

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NÚI THÀNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHAN BÁ PHIẾN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

QUẢNG NAM – 2023

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NÚI THÀNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHAN BÁ PHIẾN

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Mai Văn Lực	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Hồ Triệu Dũng	Phó bí thư chi bộ, Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Thảo	Thư ký Hội đồng trường, Tổ trưởng chuyên môn	Thư ký Hội đồng	
4	Huỳnh Quang Tỉnh	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên Hội đồng	
5	Hồ Văn Bốn	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Thanh Trai	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Đức Nghiễm	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
8	Huỳnh Kim Thành	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
9	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
10	Trương Thị Mỹ Lệ	Tổ trưởng Văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
11	Đoàn Thị Ngọc Triều	Bí thư Chi Đoàn	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	16
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	16
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	16
Tiêu chí 1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	19
Tiêu chí 3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	20
Tiêu chí 4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 5: Lớp học	24
Tiêu chí 6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	25
Tiêu chí 7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	28
Tiêu chí 8: Quản lý các hoạt động giáo dục	31
Tiêu chí 9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	33
Tiêu chí 10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	34
Kết luận tiêu chuẩn 1	37
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	38
Tiêu chí 1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	39
Tiêu chí 2: Đối với giáo viên	40
Tiêu chí 3: Đối với nhân viên	44
Tiêu chí 4: Đối với học sinh	46
Kết luận tiêu chuẩn 2	48
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	49

Tiêu chí 1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	49
Tiêu chí 2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập	51
Tiêu chí 3: Khôi hành chính - quản trị	53
Tiêu chí 4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	54
Tiêu chí 5: Thiết bị	55
Tiêu chí 6: Thư viện	57
Kết luận tiêu chuẩn 3	60
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	60
Tiêu chí 1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	60
Tiêu chí 2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	62
Kết luận tiêu chuẩn 4	65
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	66
Tiêu chí 1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	66
Tiêu chí 2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	70
Tiêu chí 3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	72
Tiêu chí 4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	74
Tiêu chí 5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	75
Tiêu chí 6: Kết quả giáo dục.	78
Kết luận tiêu chuẩn 5	81
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4: Chưa đủ điều kiện thực hiện.	82
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	82
Phần IV. PHỤ LỤC	84
Phụ lục I : BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG	84
Phụ lục II: BIỂU ĐỒ	84
Phụ lục III : HÌNH ẢNH	85

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Từ, cụm từ viết đầy đủ	Viết tắt
1.	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	CBGVNV
2.	Cán bộ quản lý	CBQL
3.	Cha mẹ học sinh	CMHS
4.	Chiến sĩ thi đua cơ sở	CSTĐCS
5.	Chiến lược phát triển nhà trường	CLPTNT
6.	Công nghệ thông tin	CNTT
7.	Cở sở vật chất	CSVC
8.	Giáo dục và Đào tạo	GDĐT
9.	Giáo viên dạy giỏi	GVDG
10.	Giáo viên chủ nhiệm	GVCN
11.	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	HĐGDNGLL
12.	Hội đồng sư phạm	HĐSP
13.	Kiểm định chất lượng giáo dục	KĐCLGD
14.	Phụ huynh học sinh	PHHS
15.	Phương pháp dạy học	PPDH
16.	Phổ cập giáo dục	PCGD
17.	Thể dục thể thao	TDTT
18.	Tự đánh giá	TĐG
19.	Trung học phổ thông	THPT
20.	Trung học cơ sở	THCS
21.	Ủy ban nhân dân	UBND
22.	Ứng dụng công nghệ thông tin	ƯDCNTT

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá:

1.1. Đánh giá tiêu chí từ Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	/
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5	Mức 3	x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	/
Tiêu chí 1.8		x	x	/
Tiêu chí 1.9		x	x	/
Tiêu chí 1.10		x	x	/
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	Mức 3	x	x	
Tiêu chí 3.2	Mức 3	x	x	
Tiêu chí 3.3	Mức 3	x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	/
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1	Mức 3	x	x	
Tiêu chí 4.2	Mức 3	x	x	

Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	/
Tiêu chí 5.4		x	x	/
Tiêu chí 5.5	Mức 3	x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 2

1.2. Đánh giá theo Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		X	
Khoản 2, Điều 22		X	
Khoản 3, Điều 22		X	
Khoản 4, Điều 22		X	
Khoản 5, Điều 22		X	
Khoản 6, Điều 22		X	

Kết quả: Không đạt mức 4

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: THCS Phan Bá Phiến (Theo Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành Về việc đổi tên các trường học trực thuộc UBND huyện)

Tên trước đây: THCS Tam Tiến (Theo Quyết định số 370/QĐ ngày 13/02/1997 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam “V/v Thành lập các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành”)

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Núi Thành

Tỉnh	Quảng Nam	Họ và tên Hiệu trưởng	Mai Văn Lực
Huyện	Núi Thành	Điện thoại	0978668345
Xã	Tam Tiến	Fax	/
Đạt chuẩn quốc gia	2012	Website	http://pbphien - nuithanh.edu.vn
Năm thành lập trường	1989	Số điểm trường	1
Công lập	X	Loại hình khác	/
Tư thục	/	Thuộc vùng khó khăn	/
Trường chuyên biệt	/	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	X
Trường liên kết với nước ngoài	/		/

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 6	4	4	4	3	4
Khối lớp 7	4	4	4	5	3
Khối lớp 8	3	4	4	4	5
Khối lớp 9	5	3	4	4	4
Cộng	16	15	16	16	16

1. Số phòng học và các phòng chức năng khác

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023
1	Phòng học kiên cố	11	11	11	11	11
2	Phòng học bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng học tạm	0	0	0	0	0
4	Các phòng chức năng khác	14	14	14	14	14
	Cộng	25	25	25	25	25

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Giáo viên	30	21	0	5	25	0	có 1 TPT
Nhân viên	6	3	0	0	5	0	có 2 BV
Cộng	38	24	0	5	32	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023
1	Tổng số giáo viên	30	29	30	29	30
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1.88	1.93	1.88	1.81	1.87
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.050	0.051	0,048	0,047	0,050
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	2	5	2	2	3
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	1	1	0	1
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	600	568	627	607	591	
	- Nữ	294	285	312	296	275	
	- Dân tộc	0	1	2	1	1	
	- Khối lớp 6	156	145	179	125	145	
	- Khối lớp 7	139	158	146	177	123	
	- Khối lớp 8	131	141	159	149	178	
	- Khối lớp 9	174	124	143	156	145	
2	Tổng số tuyển mới	156	145	179	125	145	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	38	38	39,2	37,9	36,9	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	600 (100%)	568 (100%)	627 (100%)	607 (100%)	591 (100%)	
	- Nữ	294	285	312	269	275	
	- Dân tộc	0	1	2	1	1	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	55/2	52/2	56/3	48/3	52/1	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	8	6	1	1	8	

	- Nữ	4	4	1	0	5	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	1	9	6	6	8	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục (đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	13,3	15	19,1	22,1	24,5	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	37,8	40,4	42,0	40,2	41,1	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	4,8	1,6	1,0	1,3	0,4	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	85,3	89,4	93,8	90,6	94,6	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	13,8	10,6	5,9	8,7	5,4	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0,8	0	0,3	0,7	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Vị trí địa lý của trường và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội địa phương gắn với công tác giáo dục:

Tam Tiến là xã bãi ngang ven biển, dân cư sống chủ yếu bằng nghề nông và ngư nghiệp, nằm cách trung tâm huyện Núi Thành 40 km về phía Bắc. Tổng diện tích đất tự nhiên là 2470 ha. Toàn xã có 6 thôn với tổng số nhân khẩu là 13227, gồm 3897 hộ, trong đó hộ nông nghiệp 1514 chiếm 45%, hộ ngư nghiệp 1849 chiếm 55%. Đặc điểm địa hình của xã là chịu sự chi phối chung của điều kiện khí hậu khắc nghiệt ven biển miền trung, hằng năm chịu nắng hạn gay gắt mùa hè, bão lụt mùa đông. Nhân dân sống tập trung thành từng cụm dân cư (Thôn). Nhân dân Tam Tiến vốn có truyền thống cần cù trong lao động sản xuất, ngoan cường, dũng cảm trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Trải qua các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và làm nghĩa vụ quốc tế, toàn xã có 15 Bà mẹ Việt Nam anh hùng và 109 liệt sĩ. Nhân dân xã nhà còn có truyền thống hiếu học, nếp sống văn hóa lành mạnh, hiện nay toàn xã có 10 chi hội khuyến học trên 6 thôn và 4 trường học, 04 tộc họ văn hóa là tộc Võ ở thôn Hà Lộc, tộc Phan ở thôn Tân Lộc Ngọc và tộc Huỳnh chi 2 ở thôn Long Thạnh. Về giáo dục, toàn xã có 01 trường Mầm non, 02 trường Tiểu học và 01 trường Trung học sơ sở (THCS), trong đó có 04 trường đạt chuẩn quốc gia (THCS Phan Bá Phiến, Tiểu học Ngô Mỹ, Tiểu học Nguyễn Chí Thanh và Mẫu giáo công lập Trùng Dương).

II. Tổng quan về nhà trường:

Trường THCS Phan Bá Phiến tiền thân là Trường Phổ thông cơ sở số 01 Tam Tiến được thành lập từ năm 1977. Đến năm 1989 đổi tên là Trường Phổ thông cấp 2 Tam Tiến. Đến năm 1997, Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam đổi tên thành Trường THCS Tam Tiến, theo Quyết định số 370/QĐ-SGDĐT ngày 13/2/1997 của Giám đốc Sở GDĐT Quảng Nam. Từ năm học 2007 – 2008 đến nay, UBND huyện Núi Thành có Quyết định số 3139/QĐ-UBND đổi tên Trường THCS Tam Tiến thành trường THCS Phan Bá Phiến (mang tên nhà chí sĩ yêu nước trong phong trào nghĩa hội Quảng Nam). Trường tọa lạc trên diện tích 14957m², thuộc địa bàn thôn Long Thành, xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Từ khi mới thành lập trường, năm học đầu tiên (1979 - 1980) Trường chỉ có 7 lớp cấp 2 với 294 học sinh gồm 3 lớp 6, 3 lớp 7 và 1 lớp 8. Cơ sở vật chất (CSVC) lúc bấy giờ có 1 dãy phòng gồm 5 lớp và 2 phòng làm việc. Ngoài ra các công trình khác đều không có gì. Một thời gian ngắn sau khi thành lập, trường phát triển nhanh về số lượng, từ năm học 2003- 2004 đến 2008 -2009 trường có qui mô về số lớp và số học sinh, duy trì từ 20- 23 lớp với tổng học sinh dao động từ 950 -1100 em. Đến năm học 2012-2013 cho đến năm học 2020-2021 nhà trường có từ 15 lớp trở lên.

Vào đầu năm 1999, sau hơn 20 năm thành lập một dự án xây dựng trường mới đã được đưa vào thực hiện với 9 phòng học và đến năm 2003 với tình hình

học sinh phát triển số lượng ngày càng nhiều đã xây dựng thêm 3 phòng học ở dãy phía phải của ngôi trường này và đã được cải tiến làm khu hành chính.

Vào năm 2007 trường được UBND tỉnh Quảng Nam đầu tư xây dựng dãy nhà kiên cố 2 tầng gồm 14 phòng trong đó 12 phòng học và tường rào cổng ngõ, sân trường, sân chơi, bãi tập.

Tháng 09/2008, công trình xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng, trang thiết bị phục vụ dạy học được đầu tư khá đầy đủ, tạo điều kiện cho tập thể sư phạm nhà trường phấn đấu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV) và học sinh nề nếp từng bước được ổn định, chất lượng giáo dục được nâng lên. Tháng 4/2012, nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Về nâng cao chất lượng giáo dục: Trong hơn 40 năm qua, tập thể CBGVNV nhà trường luôn nỗ lực tìm mọi giải pháp nâng cao chất lượng dạy học. Nhờ đó, chất lượng hằng năm được từng bước nâng cao, số lượng học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh ngày càng tăng. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THCS hằng năm đạt từ 99 – 100%, tỉ lệ đỗ vào lớp 10 công lập hằng năm là trên 95%, chất lượng giáo dục đại trà đạt 95% trung bình trở lên.

Trường THCS Phan Bá Phiến hiện nay có cảnh quan sư phạm khang trang, sạch đẹp, môi trường giảng dạy, học tập, sinh hoạt trong lành, an toàn, thân thiện và chất lượng giáo dục khá tốt. Đội ngũ thầy cô giáo có trình độ chuyên môn vững vàng, năng nổ nhiệt tình, sáng tạo trong công việc, có ý thức tinh thần trách nhiệm, có tinh thần đoàn kết thống nhất cao. Trong những năm qua, nhà trường đã tập trung quan tâm công tác xây dựng đội ngũ CBGVNV vững vàng về tư tưởng chính trị, có phẩm chất đạo đức tốt, tác phong sinh hoạt giản dị, lành mạnh, luôn luôn gần gũi, thương yêu, tôn trọng học sinh, không ngừng học tập để nâng cao trình độ, đồng thời đã xây dựng được phong trào thi đua học tập trong học sinh, hầu hết học sinh đã ý thức được trong học tập, có phương pháp học tập tích cực, có tinh thần tu dưỡng, rèn luyện đạo đức tốt. Tuy điều kiện kinh tế của nhân dân địa phương còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực phấn đấu không biết mệt mỏi của tập thể CBGVNV, học sinh toàn trường, sự quan tâm chỉ đạo của Phòng Giáo dục Đào tạo (GDĐT) Núi Thành, sự lãnh đạo của Đảng ủy, UBND xã Tam Tiến, sự hỗ trợ của các cơ quan, ban ngành đoàn thể của xã, sự ủng hộ của Ban đại diện cha mẹ học sinh (CMHS) và nhân dân, nhà trường từng bước đã khẳng định được chính mình, chất lượng giáo dục toàn diện được nâng cao, tạo được sự tin tưởng của các cấp lãnh đạo, phụ huynh, học sinh và nhân dân trong xã.

Năm học 2022-2023, trường có 16 lớp, 591 học sinh, có 38 CBGVNV, trong đó có 30 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 83.3% giáo viên đạt chuẩn trình độ. Có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên. Cuối năm 2022, chi bộ được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, luôn giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường, cơ quan trường đạt chuẩn văn hóa năm 2022. Kết quả xếp loại các tổ chức đoàn thể cuối năm học 2021-2022 như Công đoàn trường đạt “Công đoàn cơ sở hoàn thành tốt

nhiệm vụ”, Chi đoàn trường “Vững mạnh”, Liên đội “Vững mạnh”. Trường đạt Tập thể Lao động xuất sắc và được chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen. Ban đại diện CMHS hoạt động tích cực, hiệu quả, góp phần cùng với nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

III. Mục đích, quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật:

Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia sẽ tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục của nhà trường. Mục đích của tự đánh giá là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GDĐT tạo ban hành nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Từ đó không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Để thực hiện việc đánh giá, lãnh đạo nhà trường đã phổ biến Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; công văn 1471/SGDĐT-CNTT-KTKĐCLGD ngày 03/10/2018 của Sở GDĐT Quảng Nam V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) năm học 2018-2019 và văn bản của Phòng GDĐT Núi Thành đến toàn thể CBGVNV, phụ huynh và học sinh nhà trường. Qua đó CBGVNV, phụ huynh và học sinh đã có nhận thức đúng đắn về mục đích của việc Tự đánh giá (TĐG).

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, nhà trường tiến hành tổ chức TĐG theo đúng quy trình từ việc thành lập Hội đồng TĐG đến công bố báo cáo TĐG. Về phạm vi TĐG, nhà trường thực hiện đánh giá theo 28 tiêu chí được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT. Về phương pháp và công cụ đánh giá, nhà trường thành lập Hội đồng TĐG gồm 11 thành viên với đầy đủ các thành phần gồm lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng văn phòng, phụ trách các tổ chức đoàn thể trong trường. Hội đồng TĐG phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên theo chức năng, năng lực mỗi người để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đồng thời, thành lập các nhóm công tác và nhóm thư ký, mỗi nhóm công tác do một thành viên hội đồng làm nhóm trưởng, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

Để báo cáo TĐG đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, hội đồng TĐG đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chí; thu thập thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan. Trong quá trình TĐG, nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau như: Bộ tiêu chí quản lý chất lượng

giáo dục của trường THCS làm cơ sở cho việc tiến hành TĐG chất lượng giáo dục của nhà trường, sử dụng máy vi tính, máy in, mạng Internet để thu thập thông tin, minh chứng và viết báo cáo TĐG.

Trong suốt thời gian tiến hành công tác TĐG, nhà trường đã huy động sự vào cuộc của toàn thể đội ngũ CBGVNV, sự tham gia của Ban đại diện CMHS, sự lãnh đạo Đảng ủy, hội đồng nhân dân, UBND xã. Lực lượng nòng cốt, làm việc tích cực là các thành viên của hội đồng TĐG. Mặc dù các thành viên trong hội đồng TĐG đều phải đảm nhiệm và hoàn thành những công việc chuyên môn được giao trong năm học nhưng tất cả đều nhận thức rất đúng đắn về mục đích, lý do của công tác TĐG nên đều dành thời gian ngoài giờ làm việc của mình để hoàn thành nhiệm vụ mà hội đồng TĐG giao cho.

Để công tác TĐG được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả, hội đồng TĐG của trường đã xác định rõ các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất (CSVCh), nguồn tài chính cần huy động. Kế hoạch TĐG của trường còn thể hiện từng hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục và thời gian cần được tiến hành. Công việc dự kiến, các thông tin minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí được hội đồng xác định và phân công một cách cụ thể khoa học. Để chủ động về thời gian hoàn thành báo cáo, nhà trường đã lập thời gian biểu để hoàn thành quá trình TĐG. Nhờ đó mà tiến độ làm việc được đảm bảo, chất lượng cũng tương đối hiệu quả. Sau khi hoàn thành các phiếu đánh giá tiêu chí, hội đồng TĐG đã tiến hành viết báo cáo.

Những vấn đề nổi bật trong báo cáo TĐG là báo cáo được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn, mỗi tiêu chí đều được mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường cần đạt được trong mỗi tiêu chí. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo TĐG còn đề cập tới những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và đặc biệt một nội dung rất quan trọng, rất cần thiết trong mỗi tiêu chí đó là kế hoạch cải tiến chất lượng, phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu, tuy ngắn gọn nhưng rõ ràng và có tính khả thi.

Để thể hiện tính trung thực trong báo cáo, nhà trường đã thể hiện mã minh chứng, đó là bằng chứng cho sự lao động miệt mài của tập thể CBGVNV nhà trường. Sau thời gian dài làm việc đầy tâm huyết và trách nhiệm, công tác TĐG của trường đã cơ bản thành công. Đó là sự tập trung trí tuệ cao cho một công trình khoa học của tập thể và báo cáo TĐG cơ sở giáo dục lần đầu tiên được ra mắt. Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường, của địa phương, là nền tảng vững chắc để nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trong những năm học qua, Trường THCS Phan Bá Phiến đã xây dựng, tổ chức bộ máy theo đúng quy định trong điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 09 năm 2020 của Bộ GDĐT. Dưới sự lãnh, chỉ đạo toàn diện của chi bộ Đảng trong nhà trường; sự quản lý, điều hành của Hiệu trưởng việc quan tâm về số lượng, cơ cấu giáo viên các bộ môn học phù hợp, đảm bảo hoạt động xuyên suốt của nhà trường, các tổ chức đoàn thể nhà trường thực hiện tốt vai trò, chức năng của mình và đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền nhà trường trong việc tổ chức thực hiện các mục tiêu giáo dục. Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo đúng cơ cấu, đúng thành phần giúp nhà trường nâng cao hiệu quả quản lý. Các tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ đúng quy định, phát huy được nhân tố tích cực của từng thành viên trong tổ và thúc đẩy hoạt động chuyên môn của nhà trường. Tổ văn phòng với biên chế đầy đủ đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của nhà trường đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đúng quy chế chuyên môn của ngành và đảm bảo việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. Việc thực thi nhiệm vụ quản lý trường, lớp, hoạt động giáo dục một cách khoa học, đảm bảo cho nhà trường phát triển đúng định hướng. Đây chính là nền tảng vững chắc, là động lực thúc đẩy sự phát triển mọi phương diện, góp phần quan trọng tạo nên những thắng lợi của nhà trường.

Tiêu chí 1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.*

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường (CLPTNT) phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THCS được quy định tại Luật Giáo dục, đồng thời trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trong đó chú trọng phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. CLPTNT phù hợp các nguồn lực của nhà trường, từ con người, hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy học đến các nguồn lực tài chính hiện có và dự kiến cho các giai đoạn đều đảm bảo có đủ để thực hiện thành công các mục tiêu đã nêu trong CLPTNT. Đồng thời CLPTNT còn phù hợp với định hướng phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương, gắn với việc chăm lo các vấn đề xã hội, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, công tác hướng nghiệp để thỏa mãn nhu cầu học tập và đáp ứng nguồn nhân lực lao động cho địa phương [H1-1.1-01].

Trên cơ sở tình hình thực tế của nhà trường và các văn bản chỉ đạo về nhiệm vụ giáo dục trong từng thời điểm, từng giai đoạn, cùng với công tác tham mưu của Hiệu trưởng, chính quyền địa phương và ngành đã có sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phát triển nhà trường thông qua Nghị quyết đại hội Đảng bộ, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của UBND xã, kế hoạch phát triển giáo dục của huyện Núi Thành [H1-1.1-02].

b) Kế hoạch CLPTNT số 03/KH-PBP ngày 20/02/2020 giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch CLPTNT số 09/KH-PBP ngày 30/01/2021 giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch CLPTNT số 03/KH-PBP ngày 01/3/2023 (kế hoạch bổ sung) đã được Phòng GDĐT huyện Núi Thành phê duyệt [H1-1.1-03].

c) Kế hoạch CLPTNT đã được niêm yết công khai tại văn phòng và được công khai trên trang Website của nhà trường tại địa chỉ: <http://pbphien-nuithanh.edu.vn> [H1-1.05-04].

Hàng năm, nhà trường tham mưu kết hợp cùng với địa phương và các cấp đặc biệt là ban ngành cấp trên rà soát kiểm tra lại về nguồn nhân lực, tài chính, điều chỉnh chiến lược để có phương án phát triển thực thi cho những năm tiếp theo [H1-1.05-05].

Mức 2

Hàng năm trên cơ sở CLPTNT, Hội đồng trường có nghị quyết từng năm học, từng học kỳ về thực hiện nhiệm vụ năm học, học kỳ. Qua mỗi học kỳ, mỗi năm học được Ban thanh tra nhân dân trường học giám sát việc thực hiện nghị quyết của nhà trường và báo cáo công khai trong hội nghị sơ kết học kỳ, tổng kết năm học.

Các mục tiêu trong CLPTNT phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THCS được quy định tại Luật Giáo dục, trong đó chú trọng phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. CLPTNT phù hợp các nguồn lực của nhà trường, từ con người, hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy học đến các nguồn lực tài chính hiện có và dự kiến cho các giai đoạn đều đảm bảo có đủ để thực hiện thành công các mục tiêu đã nêu trong CLPTNT [H1-1.1-03].

Đồng thời CLPTNT còn phù hợp với định hướng phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương, gắn với việc chăm lo các vấn đề xã hội, nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, công tác hướng nghiệp để thỏa mãn nhu cầu học tập và đáp ứng nguồn nhân lực lao động cho địa phương. [H1-1.1-04].

Mức 3

Thông qua tổng kết thực hiện nhiệm vụ từng năm học, CLPTNT được triển khai, bổ sung thực hiện và luôn có các biên bản rà soát, bổ sung điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển, đề ra phương hướng trong những năm tiếp theo. [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh:

Kế hoạch CLPTNT được xây dựng trên tinh thần khoa học, dân chủ, công khai và đã được cấp quản lý phê duyệt. Nhiều nội dung cơ bản đã được thực hiện tốt như nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng dạy và học, tăng cường CSVC, trang thiết bị dạy học. Điều đó đã góp phần làm cho Trường THCS Phan Bá Phiến là một trong những trường tốp đầu trong tất cả các phong trào thi đua khối THCS trên địa bàn huyện Núi Thành.

Nội dung CLPTNT phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THCS; đồng thời phù hợp với thực tế và các nguồn lực của nhà trường và của địa phương.

3. Điểm yếu:

Mặc dù CLPTNT định kỳ được rà soát, bổ sung, điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn nhà trường, địa phương và ngành theo từng năm học. Tuy nhiên việc tổ chức tham gia của các thành viên chủ yếu là Hội đồng trường và CBGVNV của nhà trường, chưa huy động sự tham gia góp ý của CMHS, học sinh và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục theo dõi, nắm bắt tình hình của địa phương, ngành, yêu cầu phát triển nhà trường, đồng thời tiếp tục lấy ý kiến đóng góp trong các cuộc họp thường kỳ của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, của CBGVNV, học sinh và CMHS,

thường xuyên cập nhật thông tin phản hồi để nghiên cứu, xem xét và có những điều chỉnh, bổ sung nhằm hoàn chỉnh CLPTNT cho phù hợp.

Năm học 2022-2023, nhà trường tiếp tục tham mưu với lãnh đạo địa phương xã Tam Tiến, hỗ trợ về CSVC, tham mưu với UBND huyện, với Phòng GD&ĐT bổ sung thêm đủ số lượng giáo viên nhằm đảm bảo đủ lực lượng quản lý để nhà trường hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ giáo dục mình. Giới thiệu CLPTNT để nhiều người cũng biết và tuyên truyền, vận động mọi người cùng tham gia thực hiện đạt hiệu quả tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Nhà trường đã thiết lập hồ sơ đề nghị và Phòng GD&ĐT huyện Núi Thành ra Quyết định số 726/QĐ-PGD&ĐT ngày 23 tháng 10 năm 2014 về Cử cố Hội đồng trường gồm 11 thành viên. Nhà trường có Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 24/QĐ- PGD&ĐT ngày 16 tháng 03 năm 2020 của Phòng GD&ĐT huyện Núi Thành; Quyết định số: 2170/QĐ-UBND ngày 08 tháng 04 năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện Núi Thành; Quyết định số 1249/QĐ-GD&ĐT ngày 03/10/2022. Ngoài ra nhà trường còn có các Hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng xét nâng lương; Hội đồng thẩm định sáng kiến; Hội đồng xét tuyển chuyển công tác; Hội đồng kiểm kê, thanh lý tài sản [H2-1.2-01].

b) Hội đồng trường cùng các hội đồng khác của nhà trường đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hội đồng trường đã họp ít nhất 3 lần/năm, có nghị quyết, quy chế, kế hoạch hoạt động và thực sự là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục hằng năm của nhà trường [H2-1.2-02]; [H2-1.2-03].

c) Kế hoạch của các hội đồng được triển khai, bổ sung thực hiện và luôn có các biên bản rà soát, bổ sung điều chỉnh CLPTNT [H2-1.2 -04].

Mức 2

Các thành viên trong từng hội đồng của nhà trường có tinh thần trách nhiệm cao, hoạt động có hiệu quả, góp phần thắng lợi việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường [H2-1.2 -05].

2. Điểm mạnh:

Hội đồng trường cùng các hội đồng khác của nhà trường được thành lập đúng quy định. Hầu hết tất cả thành viên trong các hội đồng đều tích cực, thể hiện tinh thần dân chủ, trách nhiệm cao trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, đã góp phần thành công chung của từng hội đồng trong nhà trường.

3. Điểm yếu:

Trong các cuộc họp HĐSP cũng như các cuộc họp ở các hội đồng khác của nhà trường, việc đánh giá tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao của từng thành viên trong các hội đồng chưa cụ thể, còn mang tính thần động viên, khuyến khích.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2022 - 2023 và những năm học tới, nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Hội đồng trong nhà trường.

Thường xuyên tổ chức đánh giá cụ thể, rút kinh nghiệm từng thành viên qua qua mỗi hoạt động của các hội đồng trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Tổ chức Công đoàn nhà trường bao gồm tất cả đoàn viên là CBGVNV trong nhà trường với tổng số 35 đoàn viên, được biên chế thành 6 tổ Công đoàn. Ban chấp hành Công đoàn nhà trường có Chủ tịch công đoàn, 01 phó chủ tịch và 03 Ủy viên Ban chấp hành. Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh của nhà trường gồm 5 đoàn viên giáo viên và đến học kỳ II mỗi năm học kết nạp thêm từ 80 đến 100 đoàn viên học sinh, Ban chấp hành Chi đoàn gồm Bí thư chi đoàn, 01 Phó bí thư và 01 đến 03 Ủy viên [H3-1.3-01].

b) Các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học, Chi hội Chữ thập đỏ trong nhà trường được thành lập và hoạt động đúng theo Điều lệ, hằng năm đều xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động của tổ chức mình theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định [H3-1.3-02].

Tổ chức Công đoàn nhà trường hoạt động theo sự chỉ đạo của Liên đoàn lao động huyện Núi Thành, Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động dưới sự chỉ đạo của Ban chấp hành đoàn xã Tam Tiến [H3-1.03-03].

c) Hằng năm, hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường được rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời và bổ sung vào phương hướng hoạt động cho những năm tiếp theo. Cụ thể: Chi bộ đảng và Chi đoàn thanh niên thực hiện đánh giá theo năm công tác, Công đoàn trường đánh giá theo từng năm học [H3-1.3-04].

Mức 2

a) Trường có Chi bộ Đảng độc lập gồm có 19 đảng viên. Chi ủy, Bí thư chi bộ được bầu cử theo nhiệm kỳ 5 năm 2 lần và được Đảng ủy xã Tam Tiến ra Quyết định chuẩn y. Năm 2018 Chi bộ xếp loại “Hoàn thành nhiệm vụ”, năm 2019, 2020, 2021 “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, năm 2022 “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” [H3-1.3-05].

b) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường trong các năm qua, đều có sự phối hợp chặt chẽ với nhau, tạo sự đồng thuận thống nhất cao và luôn có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường như tham gia vận động học sinh ra lớp thực hiện kế hoạch ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, tham gia bồi dưỡng học sinh năng khiếu để tham gia các phong trào, giao lưu các cấp, tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, sinh hoạt các câu lạc bộ nhằm kích thích tinh thần học tập và giáo dục kỹ năng cho học sinh. Ngoài ra, các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường còn đóng góp cho cộng đồng trong việc thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, hằng năm, vận động khoản 8 lượt người tham gia hiến máu nhân đạo. thể hiện qua báo cáo tổng kết và kết quả thi đua hằng năm. Hằng năm Công đoàn, Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Liên đội đạt vững mạnh [H3-1.3-04].

Mức 3

Đã mô tả ở mức 2a, 2b.

2. Điểm mạnh:

Chi bộ đảng của nhà trường hằng năm đều đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Với sự lãnh chỉ đạo của Chi bộ, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường được thành lập và có cơ cấu đúng quy định. Đặc biệt, hằng năm các đoàn thể nhà trường thường xuyên, tích cực tổ chức thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua để xây dựng nhà trường ngày càng lớn mạnh toàn diện và được các cấp trên công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu:

Chi đoàn thanh niên của nhà trường dù hoạt động đều đặn, tuy nhiên do số lượng đoàn viên giáo viên ít, đoàn viên học sinh chủ yếu là những em học sinh lớp 9 được kết nạp vào học kỳ II của năm học, nên việc đóng góp những công trình thanh niên cho nhà trường chưa được nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong những năm tới, nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của Chi bộ, Công đoàn và Chi đoàn thanh niên để lãnh đạo, tổ chức các hoạt động trong nhà trường đạt hiệu quả cao hơn. Chi bộ tăng cường sự lãnh đạo và chính quyền nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Chi đoàn thanh niên tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của tổ chức mình để hoạt động toàn diện hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Từ năm học 2018-2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 nhà trường có Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 thầy giáo Huỳnh Ngọc Trọng - Hiệu trưởng nghỉ hưu theo chế độ, nhà trường đã lập báo*

cáo tình hình nhân sự gửi về UBND huyện, Phòng Nội vụ, Phòng GDĐT Núi Thành để xin ý kiến chỉ đạo cho nhà trường tiến hành làm quy trình bổ sung 01 Hiệu trưởng. Trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 08 năm 2020 thầy giáo Trương Thanh Tuấn - Phó hiệu trưởng được phân công phụ trách nhà trường theo quyết định số 9481/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện Núi Thành. Đến ngày 01 tháng 09 năm 2020 thầy giáo Trương Thanh Tuấn - Phó hiệu trưởng được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng theo quyết định số 5440/QĐ-UBND ngày 28 tháng 08 năm 2020 của UBND huyện Núi Thành. Từ ngày 01/9/2022, thầy Mai Văn Lực được điều động và bổ nhiệm về làm Hiệu trưởng thay cho thầy Trương Thanh Tuấn theo Quyết định số 5795/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Núi Thành Về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học. Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng nhà trường được Chủ tịch UBND huyện Núi Thành bổ nhiệm đúng theo quy định [H4-1.4-01].

b) Tổ chuyên môn và tổ Văn phòng được thành lập theo từng năm học đúng theo Điều lệ nhà trường. Hiện nay nhà trường có 05 tổ chuyên môn: Tổ Toán - Tin, Tổ Khoa học Tự nhiên, Tổ Ngoại ngữ, Tổ Ngữ Văn - Nghệ thuật, Tổ Khoa học Xã hội và Tổ Văn phòng [H4-1.4-02].

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng của nhà trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học cụ thể rõ ràng. Hằng năm, tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện tốt việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên qua các hoạt động như hội giảng, hội thi, hội thảo, dự giờ. Đồng viên, khuyến khích giáo viên, nhân viên tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ qua sách báo, chuyên đề và qua mạng Internet. Thực hiện tốt việc đánh giá, xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp, đề xuất khen thưởng đối với giáo viên, nhân viên trong tổ như: Đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên hết học kỳ I và cuối mỗi năm học; đánh giá chuẩn nghề nghiệp, bình xét các danh hiệu thi đua cho CBGVNV theo đúng hướng dẫn [H4-1.4-03].

Mức 2

Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và nhiệm vụ chuyên môn của năm học, các tổ, nhóm chuyên môn đều xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện được từ 03 đến 04 chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H4-1.4-04].

Tổ chuyên môn định kỳ 2 tuần sinh hoạt 01 lần dưới sự điều hành của tổ trưởng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều tổ chức sinh hoạt tổ để rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của tổ trong tháng qua, trên cơ sở đó rút kinh nghiệm và bổ sung vào phương hướng, nhiệm vụ tháng tới [H4-1.4-05].

Mức 3

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H4-1.4-06].

Tổ, nhóm chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề, chủ đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H4-1.4-07].

2. Điểm mạnh:

Trong các năm học qua, Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng của nhà trường luôn thể hiện là đầu tàu gương mẫu, phát huy sáng tạo trong điều hành quản lý, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của ngành và địa phương giao cho. Các tổ trưởng chuyên môn có ý thức trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, điều hành và tổ chức hoạt động của tổ chuyên môn đạt hiệu quả cao; các thành viên tổ Văn phòng hoạt động tích cực, đồng bộ góp phần vào thành tích chung của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động của một vài tổ chuyên môn chưa sâu sát với thực tế của tổ, còn mang hình thức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2022-2023 trở đi nhà trường tiếp tục chỉ đạo và kiểm tra công tác chuyên môn một cách thường xuyên và cụ thể, chú trọng việc TĐG, điều chỉnh, rút kinh nghiệm trong hoạt động của các tổ chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5: Lớp học

Mức 1

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trong các năm học qua, nhà trường luôn có đủ 4 khối lớp học từ lớp 6 đến lớp 9, số lớp dao động từ 15 đến 17 lớp, mỗi khối lớp dao động từ 3 đến 5 lớp. Năm học 2022 - 2023 toàn trường có tổng số học sinh 591 học sinh/16 lớp (khối 6: 04 lớp/145 học sinh; khối 7: 03 lớp/123 học sinh; khối 8: 05 lớp/178 học sinh; khối 9: 4 lớp/145 học sinh). Tỷ lệ bình quân học sinh trên lớp: 37 HS/lớp [H5-1.5-01].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học, mỗi lớp có lớp trưởng, 3 lớp phó do tập thể lớp bầu chọn vào đầu năm học. Mỗi lớp được chia thành 4 tổ, mỗi tổ có tổ trưởng và 1 tổ phó do các thành viên trong tổ bầu ra đúng quy định tại Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03].

c) Dưới sự điều hành Ban HĐGDNGLL, của giáo viên Tổng phụ trách đội, sự hướng dẫn của GVCN, GVBM việc học tập của học sinh cũng như các HĐGDNGLL, công tác trực hỗ trợ nề nếp sinh hoạt học tập, sinh hoạt chào cờ đầu tuần hay tiết sinh hoạt lớp cuối tuần đã phát huy tốt tinh thần dân chủ, tự quản của các em [H5-1.5-04].

Mức 2

Việc biên chế học sinh trong các lớp của nhà trường ở các năm qua luôn theo đúng quy định của Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, phù hợp với kế hoạch phát triển giáo dục của nhà trường và đã được UBND huyện Núi Thành phê duyệt trước khi bước vào năm học. Trong 5 năm học qua, bình quân mỗi lớp từ 37 đến không quá 45 em học sinh. Công tác tuyển sinh lớp đầu cấp, xét lên lớp, ở lại lớp và kiểm tra lại sau hè của trường hằng năm đều đúng theo quy định [H5-1.5-01].

Mức 3: Mô tả như mức 2.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tổ chức biên chế lớp, ban cán sự lớp đảm đúng theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học.

Nhà trường chỉ đạo các lớp phát huy dân chủ trong việc bầu chọn ban cán sự lớp. Học sinh được chọn có đủ năng lực, phẩm chất, uy tín và tham gia quản lý tốt lớp của mình.

3. Điểm yếu:

Hiện nay nhà trường còn có một số lớp trên 40 học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục duy trì quy mô trường, lớp thông qua công tác tuyển sinh hằng năm và hoàn thiện các điều kiện về CSVC, trang thiết bị theo đúng quy định. Hằng năm, nhà trường có kế hoạch phấn đấu làm tốt hơn nhiệm vụ xây dựng cảnh quan, môi trường phù hợp với địa thế, quy mô, tầm vóc của ngôi trường.

Tích cực tham mưu với chính quyền địa phương xã Tam Tiến, phối hợp với Ban đại diện CMHS để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Nhà trường tham mưu với Phòng GDĐT Núi Thành, UBND huyện để số lượng của học sinh trong một lớp không quá 40 học sinh /lớp.

Ngoài ra, nhà trường tăng cường tuyên truyền, giáo dục văn hóa tham gia an toàn giao thông đường bộ cho học sinh và đồng thời qua các kênh thông tin truyền thông động viên, nhắc nhở PHHS tham gia tốt an toàn giao thông ngay trước và 02 bên cổng trường, nhất là giờ cao điểm phụ huynh đưa đón con em.

4. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy

chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hồ sơ của nhà trường thực hiện đúng theo quy định tại Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học và được cập nhật thông tin thường xuyên trong suốt năm học, đảm bảo theo dõi chính xác số lượng học sinh của trường; sổ phổ cập giáo dục (PCGD) thể hiện đầy đủ số lượng học sinh trong độ tuổi phổ cập của các thôn ở xã Tam Tiến; việc tổng hợp kết quả đánh giá học sinh được thực hiện đúng quy định về yêu cầu đánh giá xếp loại học sinh hằng năm; học bạ của học sinh được hoàn thành vào cuối mỗi năm học; sổ nghị quyết ghi chép đầy đủ biên bản các cuộc họp trong nhà trường; sổ kế hoạch công tác thể hiện rõ kế hoạch thực hiện năm học, hằng tháng, hằng tuần và có đánh giá việc thực hiện; sổ quản lý CBGVNV giúp nhà trường theo dõi các thông tin cá nhân mỗi CBGVNV của trường hằng năm; sổ khen thưởng, kỷ luật thể hiện đối tượng, hình thức khen thưởng, kỷ luật học sinh và giáo viên qua các năm học; sổ quản lý tài sản, tài chính; sổ quản lý các văn bản, công văn đến, công văn đi [H6-1.6-01].

b) Công tác lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Hằng năm, theo chỉ đạo của Phòng Kế hoạch-Tài chính và Phòng GDĐT huyện Núi Thành, nhà trường lập dự toán ngân sách theo đúng định mức; không thu những khoản thu trái quy định. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với thực tế nhà trường và thông qua Hội nghị toàn thể CBGVNV, được tập thể thảo luận và thống nhất quy chế. Căn cứ vào đó nhà trường thực hiện các hoạt động tài chính trong năm. Hằng quý, thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo kế hoạch kiểm tra nội bộ và lưu biên bản đầy đủ. Việc công khai tài chính được thể hiện tại bảng niêm yết tại Phòng nghỉ giáo viên. Thực hiện kiểm kê tài sản, thống kê, quyết toán tài chính đúng quy định và kịp thời [H6-1.6-02].

c) Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn cấp trên, nhà trường chủ động xây dựng tiêu chuẩn, định mức và quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo hoạt động thường xuyên và phù hợp với đặc thù của đơn vị, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản tiết kiệm, hiệu quả [H6-1.6-02].

Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT đến toàn thể CBGVNV qua các cuộc họp nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng GDĐT [H6-1.6-03].

Mức 2

a) Việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản trong nhà trường được ứng dụng công nghệ thông tin (UDCNTT) thường xuyên, rộng rãi, như sử dụng các phần mềm kế toán, quản lý thư viện, quản lý tài sản, PCGD, phần mềm quản lý học sinh, quản lý điểm vnedu.vn; cập nhật trực tuyến cơ sở dữ liệu, trao đổi cập nhật thông tin qua trang điều hành thuộc website <http://pbphien-nuithanh.edu.vn> của nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, đơn giản hóa hồ sơ sổ sách. Sử dụng phần mềm Hệ thống quản lý thư viện trường học [H6-1.6-04].

b) Trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản trong nhà trường luôn đảm bảo theo quy định; được sự theo dõi, thanh, kiểm tra của phòng Kế hoạch - Tài chính, của phòng GDĐT và Ban thanh tra nhân dân trường học. Hằng năm, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng GDĐT, Ban thanh tra nhân dân trường học luôn kiểm tra việc sử dụng tài chính trong năm, qua biên bản kết quả thanh, kiểm tra của phòng trong suốt thời gian qua nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H6-1.6-05]; [H6-1.6-06].

Mức 3

Nhằm hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia, nhà trường đã có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn quan tâm tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương để xây dựng và phát triển nhà trường. [H6-1.6-07]; [H6-1.6-08].

2. Điểm mạnh

Công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản trong nhà trường hiệu quả, thể hiện tính công khai, minh bạch.

Việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, hoạt động nhà trường được thường xuyên, sâu rộng đáp ứng xu thế công nghệ hiện nay.

Hệ thống hồ sơ sổ sách của nhà trường đảm bảo quy định, được cập nhật thường xuyên theo yêu cầu của sổ vào từng thời điểm thích hợp, phục vụ tốt cho công tác quản lý trong nhà trường.

Nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, không vi phạm về quản lý hành chính, tài chính, tài sản trong suốt thời gian qua.

3. Điểm yếu

Trong những năm học qua, công tác tham mưu với địa phương để tranh thủ sự hỗ trợ nguồn tài chính nhằm hoàn thiện, nâng cao CSVC, trang thiết bị để đáp ứng tốt hơn nhu cầu dạy học của nhà trường chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục lưu giữ đầy đủ, cẩn thận hồ sơ quản lý nhà trường, hồ sơ quản lý hành chính, tài chính, tài sản nhà trường ở kho lưu trữ tránh mất mát do điều kiện thời tiết và những yếu tố khác.

Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý để lưu giữ thông tin nhằm đơn giản hóa hồ sơ sổ sách.

Xây dựng kế hoạch để tạo các nguồn tài chính hợp pháp chú trọng tầm nhìn chiến lược, hướng tới một môi trường giáo dục hiện đại, phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội địa phương và xu thế phát triển của giáo dục thời đại.

Tiếp tục tham mưu để tranh thủ nguồn lực tài chính từ địa phương nhằm cải tạo sân trường, nâng cấp khu vui chơi, bãi tập cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư số 17/2019-TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông gồm 120 tiết/năm với các nội dung bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ năm học về đường lối, chính sách phát triển giáo dục THCS, chương trình, sách giáo khoa, kiến thức các môn học, hoạt động giáo dục thuộc chương trình giáo dục THCS; thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục theo từng thời kỳ của mỗi địa phương, kiến thức giáo dục địa phương. Khối kiến thức tự chọn gồm các mô đun bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên [H7-1.7-01].

Trước khi bước vào đầu mỗi năm học, toàn thể CBGVNV của nhà trường nghiêm túc tham gia học tập bồi dưỡng chuyên môn, chính trị do Phòng GDĐT phối hợp với Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Núi Thành tổ chức theo thời

gian đã quy định nhằm trang bị những kiến thức cần thiết, những chủ trương về giáo dục để thực hiện tốt [H7-1.7-02].

b) Căn cứ Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT ngày 6/12/2009 của Bộ GD&ĐT quy định chế độ làm việc cho giáo viên phổ thông, Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, trên cơ sở tình hình thực tế của đội ngũ CBGVNV về trình độ chuyên môn, năng lực công tác, Hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể, đảm bảo tính hợp lý, phát huy được năng lực, sở trường của mỗi CBGVNV, đem lại hiệu quả công việc tốt [H7-1.7-03].

c) Nhà trường luôn tạo điều kiện để CBGVNV thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh; trang bị đầy đủ CSVC, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học, công tác hành chính. Hằng năm, CBGVNV được bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; được hưởng nguyên lương và phụ cấp khác khi cử đi học; được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của chính phủ; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo, công chức, viên chức; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; được thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật [H7-1.7-04].

Tổ chức Công đoàn trong nhà trường đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên; luôn hướng dẫn, tư vấn cho đoàn viên về quyền, nghĩa vụ của người lao động khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc với đơn vị; tham gia, phối hợp với nhà trường giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về lao động, công đoàn, cán bộ, công chức, viên chức, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chế độ, chính sách, pháp luật khác có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đoàn viên trong trường, để tất cả CBGVNV được đảm bảo các quyền theo quy định [H7-1.7-05].

Mức 2

Thông qua thao giảng, dự giờ và tham gia các hoạt động trong nhà trường, Hiệu trưởng nắm rõ năng lực, tố chất của CBGVNV và phân công nhiệm vụ hợp lý, tạo điều kiện và cơ hội phát triển năng lực mỗi cá nhân; mạnh dạn giao những nhiệm vụ mới để CBGVNV trải nghiệm, sáng tạo trong công tác và giảng dạy như Hội thi giáo viên dạy giỏi (GVĐG), Hội thi E-Learning, Hội thi GVCN giỏi,... Hằng năm chọn những giáo viên khác nhau dự thi cấp thành huyện, cấp tỉnh; công tác tổ chức sự kiện trong những ngày lễ, văn nghệ, báo cáo chuyên đề... nhiều giáo viên có thể đảm nhiệm và thực hiện thành công.

Phong trào viết và áp dụng sáng kiến được nhà trường luôn chú trọng và đẩy mạnh. Trong quá trình giảng dạy và công tác, CBGVNV viết thành những sáng kiến hoặc báo cáo đổi mới PPDH, công tác giáo dục học sinh, các hoạt động giáo dục khác vừa tích lũy kinh nghiệm, phát triển cho bản thân, vừa chia sẻ kinh nghiệm, sáng kiến của mình cho đồng nghiệp góp phần phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục của nhà trường [H7-1.7-06].

2. Điểm mạnh

Toàn thể CBGVNV được bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao nhận thức chính trị, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công tác.

Việc phân công nhiệm vụ cho CBGVNV phù hợp với năng lực, kỹ năng nghề nghiệp tạo thành bộ máy nhà trường hoạt động hiệu quả.

CBQL, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định, yên tâm công tác và cống hiến.

Nhà trường luôn tạo môi trường, điều kiện thuận lợi và có những biện pháp tốt để phát huy năng lực, sở trường của từng thành viên. Hầu hết CBGVNV có năng lực chuyên môn đảm bảo, vui vẻ, nhiệt tình, năng động, sáng tạo trong công việc.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ CBGVNV chưa đạt chuẩn 5/30- tỉ lệ: 16,7%. Một vài giáo viên còn chậm đổi mới phương pháp giảng dạy. Nguyên nhân do một số giáo viên lớn tuổi chuẩn bị nghỉ hưu nên ngại thay đổi, chưa thật nhiệt tình, chưa tâm huyết với nhiệm vụ được giao, tham gia phong trào hội thi chưa tích cực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên hằng năm có hiệu quả, tạo điều kiện và cơ hội để giáo viên chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau để không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ CBGVNV trong nhà trường.

Tham mưu với các cấp lãnh đạo đầu năm học mới bổ sung đủ số lượng giáo viên biên chế đáp ứng nhu cầu giảng dạy và ổn định đội ngũ.

Trong năm 2023 tham mưu với lãnh đạo huyện cử 02 giáo viên nằm trong độ tuổi bắt buộc phải tham gia học Đại học để đạt trình độ chuẩn theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, yêu cầu giáo viên THCS phải có bằng Đại học sư phạm

Nhà trường tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên dạy trái môn thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn, thao giảng, báo cáo chuyên đề. Khuyến khích giáo viên tự học, học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp, tiếp cận, nắm bắt nội dung, phương pháp để giảng dạy nhiều tiết dạy chưa phù hợp với chuyên môn vẫn đảm bảo chất lượng.

Thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra nội bộ, dự giờ giáo viên để góp ý, điều chỉnh, hỗ trợ phương pháp giảng dạy.

Nhà trường sẽ có kế hoạch chủ động hợp đồng giáo viên thỉnh giảng kịp thời và hợp lý ở những thời điểm có giáo viên nghỉ hộ sản để đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trên cơ sở nhiệm vụ năm học của ngành, nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động năm học, học kỳ phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế nhà trường và địa phương. Nội dung kế hoạch tập trung vào các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học, hiệu quả hoạt động của tổ chuyên môn; đề ra những chỉ tiêu cụ thể về chất lượng giáo dục và có những biện pháp để thực hiện [H8-1.8-01].

b) Thực hiện nghiêm túc chương trình và dạy đủ các môn học quy định theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 và Thông tư 32/2018/BGDĐT ngày 26/12/2018 Thông tư Ban hành chương trình giáo dục phổ thông của Bộ trưởng Bộ GDĐT, soạn giảng đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức kỹ năng và phù hợp với nhóm đối tượng học sinh; thực hiện đổi mới PPDH nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Tuỳ theo trình độ học sinh của mỗi lớp, giáo viên lựa chọn nội dung giảng dạy, thời lượng cần thiết đảm bảo cho học sinh nắm được kiến thức, phương pháp, hình thức phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng khả năng nhận thức và tâm sinh lý của học sinh THCS. Thực hiện đúng quy định về thời lượng tiết dạy, mỗi tiết học 45 phút, mỗi ngày dạy học không quá 10 tiết, không dồn ép, cắt xén chương trình, dạy đúng theo thời khoá biểu đã xây dựng [H8-1.8-02].

c) Trong các cuộc họp hằng tháng, nhà trường đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng qua, cuối học kỳ I tổ chức sơ kết và cuối năm học nhà trường tổ chức tổng kết quá trình tổ chức các hoạt động trong học kỳ và năm học. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch giáo dục ở thời điểm tiếp theo cho phù hợp và hiệu quả. Qua đánh giá mỗi tháng, hội nghị sơ kết, tổng kết nhà trường tiếp thu ý kiến đóng góp tích cực của toàn thể CBGVNV, của CMHS để bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, mang lại tính khả thi cao [H8-1.8-03].

Mức 2

Công tác kiểm tra các hoạt động giáo dục được nhà trường thực hiện thường xuyên thông qua kế hoạch kiểm tra nội bộ. Kiểm tra toàn diện các mặt hoạt động về công tác giảng dạy, hồ sơ cá nhân giáo viên, hồ sơ và hoạt động tổ chuyên môn, hoạt động thư viện, HĐGDNGLL.... và có những chấn chỉnh kịp thời. Các biện pháp chỉ đạo về hoạt động kiểm tra, đánh giá trong nhà trường được khối thi đua THCS đánh giá cao, điểm chấm thi đua cuối năm luôn đạt kết quả xuất sắc [H8-1.8-04].

Nhà trường đã triển khai các văn bản về dạy thêm, học thêm đến toàn thể CBGVNV và học sinh, đồng thời đăng tải trên trang website của nhà trường như

Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định về quản lý về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Công văn số 1153/SGDĐT-VP ngày 06/8/2018 của Sở GDĐT Quảng Nam về việc xử lý những trường hợp vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm. Quyết định Số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ GDĐT về việc công bố hết hiệu lực các Điều: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về dạy thêm, học thêm. Nhà trường không tổ chức dạy thêm, học thêm và toàn thể cán bộ, giáo viên đã cam kết và không dạy thêm [H8-1.8-05]; [H8-1.8-06].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục được xây dựng cụ thể, phù hợp; triển khai thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra. Nhà trường sắp xếp thời khoá biểu hợp lý đảm bảo dạy đủ các môn học và thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục.

Giáo viên nhiệt tình, trách nhiệm và có tinh thần tự giác cao trong việc thực hiện các hoạt động giáo dục và có tâm huyết góp ý xây dựng, điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với thực tế nhà trường, địa phương.

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục tốt, đem lại hiệu quả thiết thực.

Thực hiện quản lý dạy thêm, học thêm đúng theo quy định.

3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục còn chưa thể hiện đầu tư cao về các phương pháp giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi hoặc học sinh chậm phát triển trí não nên còn một số ít học sinh vận dụng kiến thức vào thực tiễn chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường xem chất lượng giáo dục là uy tín và danh dự của nhà trường. Vì vậy việc xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chương trình, dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng, đề ra những biện pháp cụ thể, điều chỉnh kịp thời là những nhiệm vụ trọng tâm nhà trường luôn chú trọng và phát huy nội lực để thực hiện đảm bảo yêu cầu đề ra.

Tạo điều kiện cho giáo viên tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học; lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức phù hợp với các đối tượng học sinh của lớp; đảm bảo chất lượng giáo dục đạt mục tiêu yêu cầu của chuẩn kiến thức kỹ năng.

Tăng cường công tác kiểm tra chuyên môn, nắm bắt tình hình học tập của học sinh, tình hình giảng dạy của giáo viên để có những biện pháp chỉ đạo hiệu quả hơn, chấn chỉnh kịp thời những lệch lạc, trì trệ trong hoạt động dạy học.

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục về các phương pháp giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi và học sinh chậm phát triển trí não để nâng cao hơn chất lượng giáo dục của nhà trường; đối với những em học sinh tiếp thu chậm, chưa hoàn thành nội dung các môn học và rèn luyện, GVCN, giáo viên

bộ môn phối hợp chặt chẽ với CMHS cùng quan tâm giúp đỡ các em tự tin hơn và có phương pháp học tập phù hợp để các em ngày càng tiến bộ.

Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục cho đội ngũ về đạo đức nhà giáo. Kiên quyết xử lý những trường hợp giáo viên vi phạm việc dạy thêm, học thêm nhằm giúp hoạt động này đi vào nề nếp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về “Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập” và Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập, nhằm phát huy quyền làm chủ của CBGVNV tham gia vào các quá trình hoạt động, quản lý nhà trường, góp phần xây dựng nhà trường đoàn kết, vững mạnh, đảm bảo tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ. Nhà trường phối hợp với Công đoàn xây dựng nội quy cơ quan, quy chế dân chủ, quy chế làm việc. Nội dung quy chế thông qua trong hội nghị tổ và hội nghị toàn thể CBGVNV, được tập thể thảo luận, góp ý, bổ sung và đi đến thống nhất thực hiện. Thông qua các cuộc họp HĐSP, mọi kế hoạch hoạt động của nhà trường đều được tập thể tập trung trí tuệ, bàn bạc và đi đến thống nhất cao [H9-1.9-01]; [H9-1.9-02].

b) Do thực hiện tốt các nội dung trong quy chế dân chủ nên từ trước đến nay, nhà trường không nhận được đơn thư khiếu nại, phản ánh hay tố cáo của CBGVNV trong trường, của CMHS và nhân dân [H9-1.9-04].

c) Kết quả thực hiện quy chế dân chủ cơ sở được đánh giá hằng năm trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, Hội nghị công đoàn và báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ đến lãnh đạo cấp trên theo quy định [H9-1.9-03]; [H3-1.3-05].

Mức 2

Dưới sự chỉ đạo của Ban chấp hành Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân trường học đã làm tốt chức năng theo quy định, theo dõi, giám sát công

tác quản lý, các hoạt động trong nhà trường. Ban thanh tra nhân dân báo cáo kết quả thanh tra, giám sát hằng năm về tình hình sử dụng tài chính, CSVC, hoạt động chuyên môn, chế độ chính sách, thực hiện nội quy, quy chế làm việc, quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả. Từ trước đến nay, Ban thanh tra nhân dân không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo hay kiến nghị nào của CBGVNV trong trường, phụ huynh và nhân dân [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nội quy, quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động trong nhà trường được CBQL, giáo viên, nhân viên tham gia thảo luận, góp ý, thống nhất và có trách nhiệm, gương mẫu trong việc thực hiện. Nề nếp, kỷ cương, dân chủ trong nhà trường được phát huy và giữ vững.

Nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Ban thanh tra nhân dân giám sát các hoạt động trong nhà trường khách quan, dân chủ, công khai và đúng pháp luật.

3. Điểm yếu

Một số ít giáo viên trẻ còn ngại khi thảo luận, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp, hội nghị để xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Việc xây dựng nội quy cơ quan, quy chế dân chủ, quy chế làm việc hằng năm có sự điều chỉnh phù hợp để phát huy những điểm tốt, khắc phục những điểm hạn chế.

Xây dựng đội ngũ CBGVNV đoàn kết, đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình thực hiện nội quy, quy định đề ra. Trong các cuộc họp định kỳ hằng tháng có sự đánh giá để chấn chỉnh kịp thời những vi phạm, sai trái.

Nhà trường có kế hoạch tạo cơ hội cho CBGVNV góp ý, bày tỏ quan điểm dưới nhiều hình thức thông qua tổ chuyên môn, công đoàn, hộp thư, góp ý riêng, góp ý trực tiếp trong cuộc họp để CBGVNV tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trong những năm học qua, nhà trường đặc biệt coi trọng an ninh, trật tự học đường.... Chính vì vậy vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng phương án bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích; xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Trong công tác phòng cháy, chữa cháy nhà trường đã thành lập Ban phòng cháy, chữa cháy và có quy định, nội quy, tiêu lệnh về phòng cháy, chữa cháy được tuyên truyền bằng hình ảnh trực quan qua pano tại các dãy phòng học, khu hiệu bộ, trung tâm thí nghiệm thực hành; đồng thời nhà trường chuẩn bị công cụ, vật dụng để phòng cháy, chữa cháy và lập phương án, tập huấn chữa cháy cho CBGVNV. Để phòng chống dịch bệnh, bộ phận y tế trường học đã thực hiện công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh thông qua hoạt động ngoại khóa giúp các em hiểu biết về các dịch bệnh có thể lây lan trong cộng đồng và nguy hiểm đến tính mạng như bệnh tiêu chảy, bệnh sốt xuất huyết, dịch cúm gia cầm, bệnh chân tay miệng, bệnh giun sán và các em biết cách phòng bệnh; tuyên truyền học sinh ăn uống hợp vệ sinh, không ăn quà vặt để tránh xảy ra ngộ độc thực phẩm. Đặc biệt trong các năm học, để phòng chống đại dịch Covid - 19, nhà trường đã có kế hoạch phòng chống dịch bệnh trước, trong và sau khi học sinh đi học lại vào học kỳ II. Trong công tác an ninh trật tự, phòng chống bạo lực học đường, nhà trường đã làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, xây dựng nội quy nhà trường và tổ chức thực hiện nghiêm túc đã góp phần thực hiện tốt phong trào thi đua “Xây dựng trường học Hạnh phúc - Lớp học thân thiện, học sinh tích cực”, tạo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện không có các tệ nạn xã hội xâm nhập học đường [H10-1.10-01].

b) Để nắm bắt kịp thời những thông tin phản ánh của PHHS ngoài việc thực hiện lịch tiếp công dân, cung cấp số điện thoại đường dây nóng của Hiệu trưởng, nhà trường còn trang bị hộp thư “Điều em muốn nói” đặt ở chân cầu thang dãy phòng học để thuận tiện việc góp ý, phản ánh của các em đối với nhà trường và hằng tuần Hiệu trưởng nhà trường đã thu thập thông tin và xử lý kịp thời, hiệu quả hơn [H10-1.10-02].

Công tác bảo vệ an toàn cho CBGVNV và học sinh trong nhà trường luôn được chú trọng. Bảo vệ thường xuyên theo dõi, nắm bắt những bất thường xảy ra đối với học sinh, với tài sản của nhà trường để có những xử lý kịp thời. Trong giờ học không để người lạ xâm nhập khi chưa được sự cho phép của nhà trường. CBGVNV và học sinh luôn đề cao, cảnh giác, có ý thức tự bảo vệ trật tự, an toàn. Đồng thời nhà trường có văn bản phối hợp với công an xã Tam Tiến trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự trường học [H10-1.10-03].

c) Nhà trường xây dựng bộ quy tắc ứng xử văn hóa gồm những chuẩn mực ứng xử các mối quan hệ trong nhà trường và mối quan hệ giữa nhà trường với cộng đồng. Thông qua các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp, giáo viên luôn giáo dục học sinh đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, giúp đỡ các bạn học sinh khuyết tật, các bạn có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không kỳ thị, xa lánh bạn. Vào dịp tết Nguyên đán hằng năm, mỗi lớp đều có quà giúp bạn vui xuân, đón Tết. Mỗi GVCN làm tốt công tác xây dựng khối đoàn kết trong lớp, giữa các lớp trong trường, tạo nên mối quan hệ gần gũi, thân thiện giữa các học sinh. Thầy, cô giáo luôn mẫu mực trước học sinh, giáo dục các em bằng các biện pháp giáo dục tích cực, không gây tổn thương đến danh dự, nhân phẩm, thân thể học sinh, chính vì vậy không có hiện tượng vi phạm về giới tính, kỳ thị, hành vi bạo lực trong nhà trường [H10-1.10-04].

Mức 2

a) Qua những hoạt động ngoại khóa rèn luyện kỹ năng sống, nhà trường triển khai các phương án phòng chống thiên tai, phòng chống cháy nổ, tai nạn thương tích, đảm bảo an toàn an ninh trật tự đến toàn thể CBGVNV và học sinh nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng tránh khi xảy ra sự việc. Phối hợp với các lực lượng địa phương, trung tâm y tế tập huấn cho học sinh về sức khỏe sinh sản vị thành niên, phòng chống thương tích; nhân viên y tế qua các hoạt động đã tuyên truyền, hướng dẫn học sinh phòng chống dịch bệnh, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm [H10-1.10-05].

b) Trong công tác chủ nhiệm lớp và giảng dạy, giáo viên thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình học sinh, phát hiện và ngăn chặn tình trạng bạo lực học đường. Nhân viên bảo vệ thực hiện tốt nhiệm vụ, đến trường sớm, không để người lạ xâm nhập vào trường có hành vi bạo lực. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Nhân viên tổ văn phòng thông qua hộp thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng nhà trường tiếp nhận thông tin nhanh nhất để kiểm tra, nắm bắt, ngăn chặn kịp thời. Trong thời gian qua nhà trường đảm bảo an toàn về an ninh trật tự, không để xảy ra bạo lực trong CBGVNV và học sinh [H10-1.10-06], [H10-1.10-07].

Mức 3: Không có.

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm qua, việc kiểm tra nắm bắt thông tin về trật tự, an ninh nhà trường, bạo lực học đường, luôn được thường xuyên, kịp thời.

CBGVNV và học sinh được đảm bảo an toàn, được làm việc và học tập trong môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện và có ý thức phòng chống bạo lực học đường, không xảy ra vi phạm pháp luật.

3. Điểm yếu

Công tác tuyên truyền, giáo dục cũng như tập huấn phòng cháy, chữa cháy trong nhà trường chưa được thường xuyên; một số bình chữa cháy đã hết hạn thay thế chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và những năm học tiếp theo, nhà trường giao cho bộ phận HGDNGLL đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức về phòng chống dịch bệnh, phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường cho toàn thể học sinh thông qua các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Thực hiện khẩu hiệu “Thầy cô gương mẫu, học sinh chăm ngoan”, “Nói không với bạo lực học đường”, tạo uy tín về môi trường giáo dục lành mạnh, nhà trường hạnh phúc được đông đủ học sinh, phụ huynh và nhân dân tín nhiệm.

Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục công tác phòng cháy, chữa cháy cho CBGVNV và học sinh; lập phương án chữa cháy và tổ chức tập huấn cho đội ngũ CBGVNV. Bổ sung thêm vật dụng cụ chữa cháy cần thiết; kiểm tra định kỳ thời hạn chất lượng bình chữa cháy và thay thế bình chữa cháy không còn chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Nhà trường đã xây dựng CLPTNT phù hợp với mục tiêu giáo dục và được rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo từng thời điểm đảm bảo tính phát triển.

Hội đồng trường, các hội đồng tư vấn được thành lập và tổ chức hoạt động đúng theo quy định.

Chi bộ Đảng lãnh chỉ đạo toàn diện mọi hoạt động của nhà trường, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong chi bộ, trong HĐSP nhà trường. Chính vì vậy đã tạo nên sức mạnh và thắng lợi trong từng năm học. Chi bộ nhiều năm đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2022 có 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ và có 3 đảng viên được khen thưởng đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh hoạt động có hiệu quả. Công đoàn nhà trường được công nhận “Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ” và được Liên đoàn Lao động huyện tặng giấy khen. Chi đoàn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được các cấp tặng Giấy khen. Hoạt động của Đội TNTP đã đi vào chiều sâu, chất lượng tạo nên sức mạnh tổng hợp thúc đẩy các phong trào thi đua trong học sinh của nhà trường. Liên Đội nhiều năm liên tục được công nhận Liên đội Vững mạnh.

Chi hội Khuyến học, Chi hội Chữ thập đỏ của nhà trường được thành lập đúng theo quy định và hoạt động có hiệu quả.

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua, khen thưởng, Hội đồng kiểm kê, thanh lý tài sản, Hội đồng thẩm định sáng kiến, Ban kiểm tra nội bộ, Ban thanh

tra nhân dân trường học hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, có kế hoạch cụ thể và thực hiện đạt hiệu quả cao.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động cụ thể, bám sát kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường. Thực hiện tốt nhiệm vụ của tổ về kiểm tra, bồi dưỡng và thi đua.

Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường, lớp học, số học sinh, điểm trường theo đúng quy định của Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Có đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9.

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được bổ nhiệm theo quy định. CBQL, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; được phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực chuyên môn và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Thực hiện quản lý hành chính, quản lý các hoạt động giáo dục, tài sản, tài chính trong nhà trường đúng quy định và hiệu quả, đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở.

Tình hình an ninh trật tự, an toàn trong trường học được đảm bảo; không xảy ra vi phạm pháp luật, bạo lực học đường, kỳ thị; không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; Công tác phòng chống cháy nổ, tai nạn thương tích, thiên tai được thực hiện thường xuyên và hiệu quả.

Thông kê

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 10/10.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 10/10.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 04/05.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Trải qua nhiều năm phấn đấu xây dựng, đến nay Trường THCS Phan Bá Phiến đã có được đội ngũ CBGVNV vững mạnh. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có tinh thần nhiệt huyết với công việc, trình độ chuyên môn đạt chuẩn; số lượng giáo viên, nhân viên của nhà trường có cơ cấu hợp lý, đảm bảo yêu cầu quy định và đều được đào tạo chuyên môn phù hợp, có đủ khả năng để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Các thành viên trong nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực chuyên môn vững vàng, luôn tận tụy, nhiệt huyết với công việc. Nhiều thầy cô giáo đạt danh hiệu GVDG, GVCN lớp giỏi cấp trường, cấp huyện và cấp tỉnh; có uy tín trong học sinh, PHHS và nhân dân địa phương. Từ nhiều năm học qua, mỗi đoàn kết nội bộ trong nhà trường luôn được củng cố và phát triển không ngừng. Tập thể CBGVNV trong nhà trường nêu cao tinh thần tương thân tương ái, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ nhau trước những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống. Học sinh của nhà trường được tuyển sinh đúng độ tuổi và đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Tất cả đã góp phần tạo nên những thành công của nhà trường trong suốt những năm qua.

Tiêu chí 1: Đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

Mức 1

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm.*

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhà trường đều đạt các tiêu chuẩn theo quy định, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý, có kinh nghiệm dạy học sau nhiều năm đứng lớp, được tập thể HĐSP tin nhiệm. Hiện nay Hiệu trưởng là thầy giáo Mai Văn Lực có trình độ Đại học sư phạm Vật Lý, trung cấp lý luận chính trị, chứng nhận quản lý giáo dục, Tin học ứng dụng B, chứng chỉ Tiếng Anh C, trải qua 20 năm công tác trong ngành, làm công tác quản lý 13 năm và được bổ nhiệm Hiệu trưởng từ năm học 2022-2023. Phó hiệu trưởng là thầy giáo Hồ Triệu Dũng có thời gian giảng dạy 32 năm và làm công tác quản lý 09 năm, có trình độ Đại học sư phạm Lịch Sử, trung cấp lý luận chính trị, chứng nhận quản lý giáo dục, chứng chỉ Tin học ứng dụng B, chứng chỉ Tiếng Anh B [H11-2.1-01].

b) Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có năng lực chuyên môn vững vàng, khả năng quản lý điều hành tốt, có uy tín trong đội ngũ giáo viên và học sinh, được lãnh đạo ngành, địa phương tin nhiệm, CMHS tin tưởng. Trong các năm học qua, việc đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình và theo đúng các văn bản hướng dẫn về Chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng. Từ năm học 2018 - 2019 đến nay, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Núi Thành đánh giá, xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và nhiều năm được cấp trên công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, cấp tỉnh và được các cấp tặng giấy khen [H11-2.1-02]; [H11-2.1-03]; [H11-2.1-04]; [H11-2.1-05]; [H11-2.1-06].

c) Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều có bằng Trung cấp lý luận chính trị và chứng nhận quản lý giáo dục [H11-2.1-01]. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, tập huấn về chuyên môn do ngành tổ chức [H11-2.1-03].

Mức 2

- a) Đã mô tả ở mức 1b.
- b) Đã mô tả ở mức 1b,1c.

Mức 3

Đã mô tả ở mức 1b.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, có khả năng giúp đỡ đội ngũ thực hiện tốt yêu cầu đổi mới PPDH theo quan điểm dạy học tích cực.

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ trên chuẩn, được tập thể nhà trường tín nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, chuyên môn; được nhân dân, PHHS tin yêu, học sinh kính trọng.

3. Điểm yếu

Hiện nay do khối lượng công việc ngày càng nhiều; yêu cầu xã hội, nhu cầu của PHHS, của học sinh ngày càng cao trong điều kiện nhân sự nhà trường ngày càng được tinh giảm nên nhà trường còn gặp khó khăn trong quản lý, điều hành công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường tiếp tục phát huy vai trò gương mẫu, đi đầu và nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, quản lý nhà trường; tiếp tục phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước tập thể và cấp trên.

Nâng cao tinh thần phê bình và tự phê bình, phát huy sức mạnh đoàn kết trong tập thể nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2: Đối với giáo viên

Mức 1

- a) *Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) *100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) *Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2

- a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) *Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định*

hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Từ năm học 2018-2019 đến nay nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác.

Năm học	Số lượng giáo viên/ số lớp	Bình quân số giáo viên/ lớp
2018-2019	30/16	1.88
2019-2020	29/15	1.93
2020-2021	30/16	1.88
2021-2022	29/16	1.81
2022-2023	29/16	1.81

Hầu hết giáo viên được nhà trường phân công giảng dạy theo đúng chuyên ngành đào tạo, phù hợp với năng lực của từng cá nhân. Nhà trường có 1 giáo viên Tổng phụ trách đội đảm bảo theo quy định. Hằng năm nhà trường có kế hoạch cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị do cấp trên tổ chức [H7-1.7-03]; [H12-2.2-01].

b) Trong các năm qua, nhà trường có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trong đó giáo viên trên chuẩn khá cao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp. Trong năm học 2022-2023, nhà trường có 29 giáo viên làm công tác giảng dạy, trong đó có 24 giáo viên trình độ Đại học sư phạm chiếm tỷ lệ 82,8%.

Năm học	Giáo viên chưa đạt chuẩn		Giáo viên đạt chuẩn		Giáo viên trên chuẩn	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018-2019	0	0%	30	100%	15	50%

2019-2020	0	0%	29	100%	15	51,7%
Theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, yêu cầu giáo viên THCS phải có bằng Đại học sư phạm.						
Năm học	Giáo viên chưa đạt chuẩn		Giáo viên đạt chuẩn		Giáo viên trên chuẩn	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2020-2021	12	40%	18	60%	0	0%
2021-2022	05	17.2%	24	82.8%	0	0%
2022-2023	05	17.2%	24	82.8%	0	0%

[H12-2.2-01].

c) Trong 5 năm qua, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [H12-2.2-02]. Tuy nhiên, việc đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp các tổ chuyên môn còn chấm điểm quá cao, chưa sát đúng với năng lực thực tế của từng người.

Cụ thể kết quả đánh giá chuẩn giáo viên hằng năm như sau:

Năm học	Mức Tốt (Loại xuất sắc)		Mức khá (Loại khá)		Mức đạt (Loại trung bình)		Chưa đạt (Loại kém)	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018-2019	29	96.7%	0	0%	1	3.3%	0	0%
2019-2020	29	100%	0	0%	0	0%	0	0%
2020-2021	29	96.7%	0	0%	1	3.3%	0	0%
2021-2022	24	82.8%	5	17.2%	0	0%	0	0%
2022-2023	24	82.8%	5	17.2%	0	0%	0	0%

Việc đánh giá giáo viên được thực hiện nghiêm túc đúng quy trình, công bố công khai kết quả đánh giá, xếp loại đến HĐSP nhà trường [H12-2.2-02].

Mức 2

a) Đã mô tả ở mức 1b.

b) Đã mô tả ở mức 1c.

c) Trong những năm học qua, nhà trường đã quan tâm đúng mức việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú, thiết thực như tổ chức lớp học

trên lớp, hoạt động ngoại khóa, phối kết hợp với trường đào tạo nghề về giới thiệu nghề, tham quan học tập. Công tác nghiên cứu khoa học được nhà trường thường xuyên quan tâm, mỗi năm học trường luôn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của tổ chuyên môn, giáo viên và luôn đạt giải cao ở cấp huyện và cấp tỉnh. Việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước cũng như quy định của ngành được đội ngũ CBGVNV nhà trường thực hiện nghiêm túc, chính vì vậy 05 năm qua tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật ở hình thức cảnh cáo trở lên [H11-2.1-03]

Mức 3

a) Đã mô tả ở mức 1c.

b) Nhà trường thường xuyên quán triệt và động viên, khuyến khích, tạo điều kiện cho đội ngũ CBGVNV nhà trường nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến với mục đích nhằm nâng cao hiệu quả công tác, đặc biệt nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Chính vì vậy, trong những năm học qua nhiều giáo viên đã tập trung, nghiêm túc viết và áp dụng sáng kiến vào thực tế giảng dạy của mình để nâng cao hiệu quả dạy học và nhiều sáng kiến được các cấp thẩm định và công nhận sáng kiến đạt cấp cơ sở, cấp tỉnh [H12-2.2-05]; [H12-2.2-06].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu giáo viên giữa các bộ môn hợp lý, đảm bảo đủ số lượng để thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường. Giáo viên trên chuẩn chiếm tỉ lệ cao, nhà trường luôn chú ý đến việc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên. Đa phần giáo viên có ý thức cầu tiến, không ngừng học hỏi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ. Nhiều năm học qua, nhà trường luôn có nhiều giáo viên được công nhận danh hiệu GVDG các cấp.

3. Điểm yếu

Đội ngũ giáo viên của nhà trường trong nhiều năm học qua luôn đạt 100% chuẩn đào tạo trở lên. Tuy nhiên theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, yêu cầu giáo viên THCS phải có bằng Đại học sư phạm, chính vì vậy 5/29 giáo viên của nhà trường tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm nên chưa đạt chuẩn.

Bên cạnh đội ngũ giáo viên năng nổ, nhiệt huyết vẫn còn một số ít giáo viên lớn tuổi và việc tiếp cận CNTT còn hạn chế nên cũng gặp khó khăn trong công tác giảng dạy cần phải có nhiều ứng dụng CNTT, đặc biệt thể hiện việc thực hiện dạy học qua internet trong thời gian phòng chống dịch Covid-19.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học tới, tiếp tục duy trì đủ số lượng, cơ cấu giáo viên cho tất cả các môn học nhằm thực hiện đảm bảo nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng theo chuẩn trong từng năm học và thiết lập đầy đủ, có chất lượng các loại hồ sơ minh chứng, phân đầu 100% giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

Coi trọng việc sinh hoạt chuyên môn để nâng cao chất lượng đội ngũ qua các hình thức sinh hoạt chuyên đề, hội giảng, tập huấn UDCNTT trong dạy học.

Nhà trường phối hợp với công đoàn tổ chức cho CBGVNV học tập, nắm vững các văn bản quy định về chế độ chính sách, chế độ công tác, các quyền tham gia giám sát và quản lý trường lớp của giáo viên làm cơ sở pháp lý để giáo viên thực hiện các quyền của mình đồng thời qua đó nhà trường, công đoàn nâng cao trách nhiệm trong việc thực thi các quy định nhằm đảm bảo các quyền của giáo viên theo Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định của pháp luật.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, đội ngũ nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm có trình độ đào tạo đúng theo quy định và đáp ứng được vị trí việc làm. Từ năm học 2018-2019 đến nay, trường có 06 nhân viên, trong đó 01 nhân viên Thư viện, 01 nhân viên Kế toán, 01 nhân viên Văn thư kiêm nhiệm Thủ quỹ, 02 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên Thiết bị kiêm nhiệm Y tế [H13-2.3-01].

b) Đội ngũ nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý với chuyên môn được đào tạo: Nhân viên Kế toán có trình độ Đại học kế toán; nhân viên Thư viện có bằng Đại học thư viện; nhân viên thiết bị trung cấp kế toán và có giấy chứng nhận bồi dưỡng sơ cấp thiết bị; nhân viên Văn thư có bằng Đại học lưu trữ và quản trị văn phòng; nhân viên bảo vệ đã tốt nghiệp THPT và đã tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác bảo vệ [H7-1.7-03]; [H13-2.3-02] .

c) Nhân viên nhà trường có kinh nghiệm trong công tác, nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm cao, luôn phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Trong 5 năm qua, 100% nhân viên được đánh giá xếp loại viên chức từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và đạt danh hiệu LĐTT, CSTĐCS; không có nhân viên bị kỷ luật dưới bất kỳ hình thức nào [H12-2.2-04]; [H11-2.1-05].

Mức 2

a) Đã mô tả ở mức 1a.

b) Đã mô tả ở mức 1c.

Mức 3

a) Đã mô tả ở mức 1a.

b) Nhằm nâng cao kinh nghiệm và tăng cường hiệu quả công việc được giao, được quan tâm của các cấp, hằng năm, nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm được nhà trường tạo điều kiện được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trong mỗi năm học, nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm đã tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về lĩnh vực kế toán, thiết bị, thư viện, văn thư, y tế, bảo vệ [H13-2.3-02]. [H13-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm phụ trách các công việc theo vị trí việc làm. Đội ngũ nhân viên có năng lực chuyên môn vững vàng, có trình độ đào tạo đạt chuẩn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm yếu

Hiện nay, nhà trường chưa có nhân viên y tế đạt trình độ chuẩn theo yêu cầu nên công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh không được thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; yêu cầu nhân viên có kế hoạch tự bồi dưỡng, đồng thời tiếp tục duy trì và phát huy tốt hơn nữa tinh thần trách nhiệm từng thành viên nhằm phục vụ, hỗ trợ cho tất cả hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả. Tham mưu với UBND huyện có kế hoạch thi tuyển nhân viên y tế trường học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4: Đối với học sinh

Mức 1

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Xã Tam Tiến, nhiều năm qua luôn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3. Hằng năm, tỷ lệ học sinh ra lớp, đi học đúng độ tuổi đạt 100% đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường thực hiện đảm bảo yêu cầu tuyển sinh theo quy định về độ tuổi. Bên cạnh đó, tỷ lệ học sinh lưu ban hằng năm của nhà trường khá thấp ở tất cả các khối lớp nên 100% học sinh nhà trường có độ tuổi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học [H5-1.5-01].

b) Hằng năm, ngay từ khi bước vào năm học mới, nhà trường luôn chỉ đạo, quán triệt với GVCN lớp triển khai nhiệm vụ học sinh theo Điều lệ nhà trường đến với học sinh và CMHS ở tất cả các lớp, yêu cầu các em thực hiện nghiêm nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường như: Kính trọng cha mẹ, thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân; tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; giúp đỡ gia đình và tham gia các công tác xã hội như hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông; giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường [H14-2.4-01].

Chính vì vậy, trong những năm qua học sinh đã nghiêm túc thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định [H3-1.3-04].

c) Nhà trường luôn quan tâm đến quyền của các em, cho nên mọi hoạt động giáo dục trong nhà trường luôn hướng đến việc đảm bảo cho học sinh được hưởng đầy đủ các quyền như: Quyền được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện; được tôn trọng và đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được hưởng các chính sách xã hội theo quy định. Thông qua cuộc họp CMHS và các tiết sinh hoạt dưới cờ, nhà trường triển khai cho học sinh, CMHS nắm được các văn bản quy định của nhà nước về các quyền lợi của trẻ em để làm cơ sở cho việc đảm bảo các quyền của học sinh. Chế độ chính sách của học sinh như hỗ trợ chi phí học tập, học sinh nhận học bổng được thực hiện đảm bảo, kịp thời, đúng đối tượng [H14-2.4-02].

Mức 2

Hầu hết học sinh của nhà trường đều kính trọng thầy cô giáo, chăm ngoan, học giỏi, có hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục phù hợp theo quy định. Nhờ

thực hiện tốt các biện pháp giáo dục nên nhà trường đã hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng học sinh vi phạm quy định về hành vi không được làm như: Hút thuốc, uống rượu bia, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, thân thể người khác, sử dụng điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học, gây gỗ đánh nhau làm mất an ninh trật tự trong nhà trường. Hầu hết học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định về các hành vi học sinh không được làm; với những học sinh vi phạm các hành vi không được làm đã được phát hiện kịp thời qua các kênh thông tin như tập thể lớp, Đội cờ đỏ, GVCN, giáo viên bộ môn, Tổng phụ trách đội và các thông tin từ các nguồn khác. Học sinh vi phạm đã ý thức được những hành vi của mình và được nhà trường tích cực giáo dục với các biện pháp phù hợp, học sinh vi phạm có chuyển biến tích cực. Hàng năm nhà trường có trên 99% học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt [H14-2.4-03].

Mức 3

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức khảo sát chất lượng học sinh đầu năm, tham gia đầy đủ các hội thi do các cấp tổ chức, chính vì thế chất lượng học tập đạt kết quả cao, nhà trường có lực lượng học sinh giỏi nhiều và đây chính là lực lượng lớn góp phần cho ngành giáo dục huyện tham gia các hội thi học sinh giỏi, học sinh năng khiếu cấp tỉnh. Những thành tích học tập của học sinh là niềm tự hào của nhà trường và là tiêu chí quan trọng của nhà trường được cấp trên ghi nhận và tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý. Chính những học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện đã ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường, đặc biệt là đối với các học sinh, đây cũng chính là nền tảng cơ bản để thế hệ học sinh lớp sau nối tiếp và phát triển hơn. Hàng năm, trường luôn có học sinh thi đỗ vào Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm - Quảng Nam [H14-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Hầu hết học sinh của trường chăm ngoan, có ý thức thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh và chấp hành đúng quy định về các hành vi học sinh không được làm. Văn hoá ứng xử của các em ngày càng tiến bộ, biết phát huy khả năng tự học, thân thiện và chia sẻ với bạn bè khi gặp khó khăn hoạn nạn, có tinh thần cầu tiến và vươn lên trong học tập.

Học sinh nhà trường được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định. Số lượng học sinh giỏi nhiều, nhiều học sinh đạt giải trong các hội thi, kỳ thi do các cấp tổ chức. Số lượng học sinh đỗ vào các trường chuyên và trường công lập chiếm tỉ lệ cao.

3. Điểm yếu

Vì hoàn cảnh của một số ít gia đình có cha mẹ làm ăn xa nên việc chăm lo học tập cũng như giáo dục con em chưa được thường xuyên, một số em ý thức học tập chưa cao nên ảnh hưởng đến kết quả học tập và rèn luyện cá nhân cũng như chất lượng giáo dục chung của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, phối kết hợp với các tổ chức trong nhà trường, đặc biệt là Ban đại diện CMHS để giúp

học sinh nắm vững quy định về các hành vi học sinh không được làm và thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Tham mưu, phối hợp tốt hơn nữa với các tổ chức đoàn thể ngoài nhà trường với chính quyền địa phương để tạo môi trường giáo dục học sinh an toàn, thân thiện. Thường xuyên tổ chức có hiệu quả các HĐGDNGLL, TDTT, sinh hoạt tập thể trong toàn trường; xây dựng môi trường thân thiện, lành mạnh nhằm giúp cho học sinh rèn luyện sức khỏe, rèn luyện kỹ năng sống, phát huy quyền của mình.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận Tiêu chuẩn 2:

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đã qua nhiều năm công tác giảng dạy và quản lý, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn đào tạo, đảm bảo cơ cấu về số lượng, độ tuổi, năng động sáng tạo, có phong cách lãnh đạo dân chủ, tập hợp được đội ngũ thực hiện tốt công tác được giao. Việc quản lý của nhà trường theo đúng Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học: Quản lý kế hoạch hoạt động, kế hoạch thi đua; các loại hồ sơ được lưu trữ đầy đủ, đúng quy định.

Đội ngũ giáo viên nhà trường đang ở độ tuổi đại đa số từ 30 đến 50 nên vừa có kinh nghiệm trong công tác giáo dục, vừa có sức trẻ để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có trình độ, năng lực chuyên môn tốt, đạt chuẩn theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Số lượng GVĐG cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh đều đạt là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện yêu cầu đổi mới PPDH, đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh hiện nay.

Đội ngũ nhân viên được đào tạo và làm việc đúng chuyên môn; hoạt động đều tay, thường xuyên giúp đỡ nhau trong công việc, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đa số học sinh chăm ngoan và có ý thức cao trong học tập; nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh và luôn là một trong những trường đi đầu trong phong trào học sinh giỏi của huyện. Trong năm học 2022 - 2023 và những năm đến, nhà trường sẽ tiếp tục tham mưu cấp trên tiếp tục xây dựng đội ngũ giáo viên, nhân viên vững mạnh về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đủ sức đảm đương sứ mệnh cao cả của nhà trường, đáp ứng nguyện vọng và niềm tin yêu của học sinh, PHHS, lãnh đạo và nhân dân địa phương.

Thống kê

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 4/4
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 4/4
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 4/4

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất

Mở đầu:

Trường THCS Phan Bá Phiến là trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm 2018, có hệ thống CSVC, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đảm bảo về tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu dùng cho giáo dục phổ thông do Bộ GDĐT ban hành; các phòng học, phòng thực hành Âm nhạc- Mỹ thuật, khu giáo dục thể chất

trang trí đẹp và phù hợp; khối phòng hành chính quản trị, đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu của công tác giáo dục. Cảnh quan, môi trường luôn xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện. Việc quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường trong các năm qua luôn theo đúng quy định, có hiệu quả, góp phần hỗ trợ công tác dạy học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường. Thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của CBGVNV và học sinh; có hệ thống CNTT kết nối internet để phục vụ dạy học; nhà trường có Website riêng để quản lý, điều hành công việc chung. Các công trình vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác thải đảm bảo yêu cầu cho hoạt động giáo dục.

Tiêu chí 1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường có khuôn viên riêng biệt được UBND tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 14.957 m², bình quân 24,6m²/em. Sân trường có trồng cây xanh, sạch, đẹp và thoáng mát, không khí trong lành. Toàn bộ sân trường được thảm bê tông sạch sẽ, nhà trường thường xuyên thực hiện công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, dọn dẹp sân trường hằng ngày đảm bảo khuôn viên trường luôn xanh, sạch, đẹp [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02];[H15-3.1-03].

b) Trường được bao quanh bởi tường rào với tổng chiều dài 519,8m, được xây dựng kiên cố đảm bảo cho công tác bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự trong nhà trường. Cổng trường được xây dựng với 1 cổng chính và 2 cổng phụ, biển tên trường được thiết kế, trang trí theo quy định tại điều 5 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H15-3.1-04].

c) Khu sân chơi có diện tích 11.350m² chiếm 76% diện tích khuôn viên trường. Khu bãi tập phía sau có diện tích 2000m² với sân rèn luyện thể dục, thể thao gồm: đường chạy bền, 1 sân bóng đá mini, 1 hố nhảy xa, 01 sân bóng chuyền, 02 sân cầu lông. Bên cạnh đó, nhà trường đã trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ học tập và rèn luyện thể dục thể thao như xà nhảy cao, nệm nhảy cao, lưới bóng đá mini, 2 khung cầu môn, các loại bóng đá, bóng chuyền, vợt cầu lông... đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H15-3.1-05].

Mức 2. Như đã mô tả ở mức 1c.

Mức 3. Mức 3: Mô tả như mức 1a, 1c

2. Điểm mạnh:

Diện tích khuôn viên của trường đảm bảo theo quy định, môi trường thoáng mát và thân thiện, thuận lợi cho các hoạt động giáo dục của nhà trường. Xung quanh trường và sân trường có trồng cây xanh bóng mát, đảm bảo môi trường sinh thái xanh, sạch, đẹp. Trường có cổng, tường rào, cảnh quan khá đẹp và cân đối hài hòa.

Nhà trường có sân chơi, bãi tập đảm bảo quy định và có trang bị đầy đủ về trang thiết bị phục vụ thể dục thể thao cho học sinh.

3. Điểm yếu:

Trường chưa có phòng tập đa năng và bể bơi. Hệ thống thoát nước chưa đảm bảo. Cây xanh, cây bóng mát còn hạn chế do mới được trồng nên độ che phủ để các em ngồi nghỉ giải lao sau những giờ luyện tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hằng năm, nhà trường tích cực tham mưu với UBND huyện, Phòng Giáo dục huyện và chủ động tìm nguồn kinh phí để xây dựng phòng tập đa năng, bể bơi và hệ thống thoát nước. Xây dựng kế hoạch tôn tạo, bổ sung và bảo quản bồn hoa, cây cảnh, cây xanh trên sân trường; giữ sân chơi, bãi tập luôn xanh, sạch, đẹp. Nâng cao ý thức tập thể cho mỗi CBGVNV và học sinh về thực hiện giữ gìn bảo vệ môi trường qua các cuộc thi, ngoại khóa.

Ngay từ năm học 2022-2023 đến, nhà trường tiếp tục đầu tư trồng thêm cây xung quanh sân bóng đá để đảm bảo sân chơi, bãi tập của nhà trường thật sự xanh, sạch, đẹp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định. Mỗi phòng nhà trường trang bị thêm tivi đủ để giáo viên dạy công nghệ thông tin.

Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

a) Nhà trường có tổng số 8 phòng học, bố trí đủ cho 16 lớp học, học 2 ca/ngày, tất cả phòng học được trang bị tivi màn hình 50 và 55 inch để ứng dụng CNTT trong dạy học. Phòng học được thiết kế đúng tiêu chuẩn với kích thước 7 x 8 (m²), đảm bảo cho tất cả học sinh trong lớp ngồi học rộng rãi. Mỗi phòng học có một bảng từ chống lóa, màu xanh kích thước 1,2m x 3,2m được đặt trên tường và chính giữa, vừa tầm nhìn của học sinh và có hệ thống chiếu sáng với 06 cặp bóng đèn ống huỳnh quang loại 1,2m, hệ thống cửa kính đủ ánh sáng tự nhiên, 01 chiếc quạt gắn trên tường cho giáo viên và 06 chiếc quạt trần cho học sinh. Mỗi phòng học có 01 bộ bàn ghế giáo viên, 23 bộ bàn ghế học sinh và hệ thống rèm che cửa chống nắng cho học sinh đẹp và sạch sẽ. Ngoài ra, trong mỗi phòng đều có ảnh Bác Hồ, 5 Điều Bác Hồ dạy thiếu niên và nhi đồng, các khẩu hiệu tuyên truyền, giáo dục bền, đẹp và được đặt ở vị trí trang trọng, phù hợp. Bàn ghế học sinh hiện nay được trang bị từ nguồn kinh phí trong ngân sách do cấp trên phân bổ. Bàn ghế học sinh gồm đa phần là loại 02 chỗ ngồi, ghế rời, cao vừa tầm cho học sinh THCS, với chất liệu bằng gỗ, màu sắc đảm bảo quy định của Bộ GDĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế [H16-3.2-01].

b) Nhà trường có 04 phòng bộ môn đạt tiêu chuẩn theo Quyết định 37/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GDĐT ban hành Quy định gồm: 01 phòng thực hành Lý: 86,58m²; 01 phòng thực hành Sinh: 86,58m²; 01 phòng thực hành hóa: 86,58m²; 01 phòng thực hành công nghệ: 115,44m². Mỗi phòng bộ môn có ít nhất 2 cửa ra vào và 2 cửa sổ; có hệ thống quạt trần và tít điện để đảm bảo thoáng mát và đủ ánh sáng phục vụ cho giảng dạy. Bàn ghế giáo viên và học sinh theo quy cách đặc trưng của từng bộ môn thực hành. Bên cạnh 4 phòng thực hành Hóa học, Sinh học, Vật lý, Công nghệ, mỗi phòng đều có phòng kho diện tích 28,06m² chứa các tủ đựng các thiết bị, đồ dùng dạy học cho từng bộ môn; 01 phòng vi tính: 49,92m², các máy vi tính được nối mạng Internet nên thuận tiện cho việc học tập, thực hành, truy cập thông tin phục vụ bài học [H16-3.2-02].

c) Khôi phục vụ học tập nhà trường gồm có 01 phòng hoạt động Đoàn - Đội - phòng truyền thống: 49,92m²; 03 phòng thư viện: 130m²; Phòng Đoàn - Đội có đầy đủ các trang thiết bị cần thiết cho hoạt động Đoàn và Đội trong nhà trường, phòng truyền thống được bài trí khoa học, lưu giữ được nhiều hình ảnh, hiện vật, tư liệu quý giá về nhà trường qua các năm học từ trước đến nay. Phòng thư viện gồm 01 phòng kho và 01 phòng đọc giáo viên, 01 phòng đọc học sinh có nhiều sách, báo, tạp chí tranh ảnh, bản đồ để phục vụ. Tất cả các phòng đều

có trang thiết bị cần thiết như điện sáng, điện thoại, quạt, bàn ghế làm việc, máy vi tính kết nối mạng, máy in... để đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường theo quy định [H16-3.2-03].

Mức 2

a) Mô tả như mức 1a, 1b.

b) Mô tả như mức 1c.

Mức 3:

Mô tả như mức 1a, 1b

2. Điểm mạnh:

Phòng học, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh của nhà trường đã được đầu tư đảm bảo theo quy định.

Khối phòng bộ môn với đầy đủ trang thiết bị đáp ứng các yêu cầu dạy học thí nghiệm, thực hành của nhà trường, phục vụ tốt cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi thí nghiệm, thực hành của trường.

3. Điểm yếu:

Còn thiếu các phòng học để học sinh được học 2 buổi/ ngày. Chưa có nhà đa năng và bể bơi để phục vụ hoạt động giáo dục đặc biệt là những tiết học thể dục khi thời tiết không thuận lợi.

Trang thiết bị ở trong các phòng học bộ môn đa số đã cũ, độ chính xác không cao do đã xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2022 - 2023, nhà trường tích cực tham mưu với UBND huyện, Phòng Giáo dục huyện để xây dựng thêm các phòng học, nhà đa năng. Nhà trường chủ động tìm nguồn kinh phí để mua sắm trang bị thiết bị dạy và học, bàn ghế học sinh để nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường. Giao cho giáo viên Tổng phụ trách đội tổ chức phong trào thi đua giữ gìn trường lớp, bàn ghế, cảnh quan, môi trường luôn xanh, sạch, đẹp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1

a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

a) Khối hành chính - quản trị nhà trường có 06 phòng với diện tích 24m² mỗi phòng (01 phòng Hiệu trưởng; 01 phòng Phó Hiệu trưởng; 01 phòng công đoàn; 01 phòng kế toán; 01 phòng văn thư); 01 phòng y tế có diện tích là 12m²; 01 phòng hội đồng diện tích 49,92m². Bên cạnh cổng ra vào có 01 phòng thường trực với diện tích 7m². Tất cả các phòng đều được trang bị đầy đủ hệ thống điện sáng và quạt, bàn ghế làm việc, các trang thiết bị theo từng chức năng, hệ thống máy tính có kết nối internet để đáp ứng yêu cầu công việc. Các trang thiết bị trong mỗi phòng được sắp xếp khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H17-3.3-01].

b) Nhà trường có 03 khu để xe: 01 khu để xe cán bộ, giáo viên, nhân viên diện tích: 72,2m², 02 khu để xe học sinh diện tích: 320m². Nền khu để xe được bê tông hoá, khung sắt và lợp bằng tôn. Khu để xe được bố trí hợp lý nằm bên cạnh cổng ra vào và sau khối hành chính - quản trị đảm bảo an toàn, trật tự [H17-3.3-02].

c) Trường phân công 01 giáo viên dạy bộ môn tin học thực hiện nhiệm vụ bảo trì máy vi tính, máy in và kết nối mạng internet. Vì thế, chất lượng mạng, máy vi tính của nhà trường đảm bảo phục vụ tốt nhiệm vụ được giao. Hằng năm, nhà trường bố trí nguồn kinh phí phù hợp để định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị cần thiết để phục vụ công việc. Trong những trường hợp máy móc hư hỏng nặng, theo đề nghị của bộ phận thiết bị, nhà trường hợp đồng các công ty máy tính để khắc phục [H17-3.3-03]; [H17-3.3-04].

Mức 2

Đã mô tả ở mức 1a.

Mức 3

Để phục vụ tốt công tác quản lý hành chính, hằng năm nhà trường luôn có kế hoạch mua sắm các loại máy móc, vật dụng và đã đưa vào hoạt động có hiệu quả; khối hành chính- quản trị có đầy đủ trang thiết bị phục vụ tốt nhu cầu hoạt động của nhà trường và được các bộ phận sắp xếp hợp lý, khoa học và thực sự hỗ trợ có hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường [H17-3.3-01]; [H17-3.3-02].

2. Điểm mạnh:

Khối hành chính - quản trị của nhà trường được trang bị đầy đủ trang thiết bị đáp ứng mọi yêu cầu hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường. Nhà trường có khu để xe an toàn, đảm bảo diện tích, bố trí hợp lý, sạch, đẹp.

Tất cả máy tính trong nhà trường đã được nối mạng internet phục vụ tốt công tác quản lý, giảng dạy và các hoạt động giáo dục khác. Hệ thống camera được bố trí đều khắp khuôn viên nhà trường, giúp nhà trường quản lý an ninh, trật tự tốt hơn.

3. Điểm yếu:

Khu phòng hành chính – quản trị được ngăn ra từ 3 phòng học cũ đã sử dụng từ rất lâu nên xuống cấp.

Khu nhà để xe của giáo viên do được làm lâu năm nên mẫu mã không được đẹp, nền và mái che đang xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Chủ động tham mưu với UBND huyện, Phòng GDĐT huyện trong việc xây dựng lại các phòng hành chính – quản trị mới.

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tu sửa, mua sắm và bảo vệ toàn bộ khối tài sản của nhà trường một cách có hiệu quả.

Năm học 2022 - 2023 nhà trường có kế hoạch tu sửa, nâng cấp khu nhà để xe cho giáo viên được chắc chắn, thẩm mỹ và thân thiện hơn.

6. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có 02 khu nhà vệ sinh dành riêng cho CBGVNV và 03 khu dành cho học sinh; khu dành cho CBGVNV nằm bên cạnh phòng nghỉ giáo viên và dãy hành chính. Một khu dành riêng cho học sinh nam nằm dọc theo bờ tường phía sau, cạnh gần khu giáo dục thể chất của nhà trường; một khu nằm ở tầng trệt, cuối dãy khối phòng bộ môn dành cho học sinh nữ và 01 khu ở sau phòng thư viện. Mỗi công trình vệ sinh có đầy đủ hệ thống điện, nước. Tất cả nhà vệ sinh đều là công trình tự hủy, đảm bảo vệ sinh, đầy đủ ánh sáng, nước sạch và được thường xuyên tẩy rửa sạch sẽ, không ảnh hưởng đến môi trường [H18-3.4-01]; [H18-3.4-02].

b) Nhà trường xây dựng nhà xử lý nước từ nguồn nước sạch để phục vụ nước uống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Hệ thống nước uống của nhà trường được xử lý bằng hệ thống lọc RO và định kì nhà trường thay lõi lọc để đảm bảo nước uống đúng chất lượng. Nguồn nước sinh

hoạt và phục vụ các khu vệ sinh được lấy từ nguồn nước giếng của nhà trường (05 giếng). Trong năm học 2019-2020 nhà trường được nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang hỗ trợ cho 2 hệ thống lọc nước để cho học sinh và CBGVNV uống. Nước uống được cơ quan chức năng kiểm nghiệm trước khi sử dụng đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học [H18-3.4-03]; [H18-3.4-04].

Nhà trường bố trí mỗi phòng học và phòng làm việc đều có sọt rác, nhân viên hợp đồng theo thời vụ và học sinh của nhà trường làm công tác vệ sinh thu gom lại, sau đó Công ty môi trường đô thị Quảng Nam xử lý [H18-3.4-05].

Từ năm học 2019-2020 đến nay, nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng chống đại dịch Covid-19 nhà trường đã tu sửa 01 khu vực rửa tay nằm đầu dãy phòng học [H18-3.4-06].

Mức 2

a) Đã mô tả ở mức 1a.

b) Đã mô tả ở mức 1b, 1c.

Mức 3: Không có.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có công trình vệ sinh cho CBGVNV và học sinh riêng biệt, dành riêng cho nam và nữ; vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, thuận tiện, sạch sẽ; có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho CBGVNV và học sinh.

Ban HĐGDNGLL thường xuyên tổ chức cho học sinh lao động tạo quang cảnh sân trường luôn xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm yếu:

Hệ thống thoát nước khu phía sau dãy hiệu bộ xuống cấp, mỗi khi có những trận mưa lớn, kéo dài lượng nước thoát không kịp nên bị ngập nước, gây bất tiện trong hoạt động vui chơi, đi lại cho các em ngay sau những trận mưa lớn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường xây dựng kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên các khu vệ sinh của giáo viên và học sinh để sử dụng tiện lợi, lâu dài; có kế hoạch sửa chữa hệ thống thoát nước trong khuôn viên nhà trường.

Bộ phận y tế của nhà trường thường xuyên kiểm tra vệ sinh nguồn nước sạch cho CBGVNV và học sinh sử dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5: Thiết bị

Mức 1

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng như bàn ghế làm việc, máy tính có kết nối internet, máy in, tủ đựng hồ sơ và nhiều thiết bị khác đảm bảo cho việc hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường [H19-3.5-01].

b) Các phòng học chính khóa và các phòng bộ môn đều được trang bị màn hình ti vi lớn nhằm phục vụ tốt việc ứng dụng CNTT trong dạy học. Nhà trường bắt hệ thống Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Tất cả thiết bị dạy học đều được phân chia theo bộ môn hoặc nhóm bộ môn, được sắp xếp ngăn nắp trong phòng thiết bị và trong các tủ, kệ được bố trí ở các phòng học bộ môn của nhà trường. Thiết bị dạy học của nhà trường cũng như thiết bị dạy học tự làm được giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, PPDH và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H19-3.5-01].

c) Hằng năm, nhà trường đã thực hiện đồng bộ các biện pháp như bố trí đủ phòng, mua sắm giá, kệ để cất giữ; xây dựng và triển khai trong toàn trường các quy định về sử dụng thiết bị dạy học; lập danh mục hồ sơ và giao cho giáo viên phụ trách thiết bị quản lý, kiểm kê theo dõi thường xuyên và kịp thời báo cáo đề xuất sửa chữa, nâng cấp, bổ sung với lãnh đạo nhà trường [H19-3.5-02].

Mức 2

a) Đã mô tả ở mức 1a.

b) Đã mô tả ở mức 1b.

c) Trên cơ sở hồ sơ kiểm kê tài sản vào cuối năm học, nhà trường lập kế hoạch mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học hằng năm. Giáo viên tự làm thêm đồ dùng dạy học để phục vụ dạy học hằng ngày cũng như trong các hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh [H19-3.5-03], [H19-3.5-04].

Mức 3

Trong các phòng thí nghiệm, thực hành được bố trí đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; các tiết thí nghiệm, thực hành của các bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ thường được GVBM dạy học tại

phòng thí nghiệm, thực hành. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi về thí nghiệm, thực hành cấp trường ở các bộ môn này được tổ chức bồi dưỡng ở các phòng thí nghiệm, thực hành của nhà trường [H19-3.5-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học đảm bảo phục vụ công tác hỗ trợ và dạy học.

Tất cả giáo viên trong trường đều khai thác, sử dụng thiết bị dạy học. Hằng năm, nhà trường có kiểm kê, sửa chữa và mua sắm bổ sung thiết bị dạy học.

3. Điểm yếu:

Phong trào tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên chưa được thường xuyên và công năng của đồ dùng dạy học tự làm này chỉ đáp ứng một vài tiết học và sử dụng không được lâu dài.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hằng năm, bộ phận phụ trách thiết bị lập kế hoạch tham mưu kịp thời cho nhà trường về việc mua sắm, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học ngay từ đầu năm học.

Nhà trường có kế hoạch và hỗ trợ kinh phí cho các tổ chuyên môn, giáo viên tự làm đồ dùng dạy học có chất lượng để phục vụ cho việc dạy học.

Khuyến khích giáo viên tích cực tự làm một số đồ dùng dạy học đơn giản, thiết thực, sáng tạo góp phần làm phong phú kho đồ dùng dạy học của nhà trường.

7. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 6: Thư viện

Mức 1

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Với nguồn tài liệu sách báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, băng đĩa dôi dào, Thư viện nhà trường đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu nghiên cứu giảng dạy, học tập cũng như các hoạt động giáo dục khác của CBGVNV và học sinh trong nhà trường. Để có được nguồn tư liệu phong phú, đa dạng, nhân viên thư viện tham mưu với lãnh đạo nhà trường, phối hợp với các tổ chuyên môn, lập phiếu nhu cầu giảng dạy của giáo viên, qua đó lập kế hoạch mua sắm, bổ sung hằng năm [H20-3.6-01];[H20-3.6-02].

b) Bộ phận thư viện nhà trường thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền, công tác phục vụ bạn đọc; tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giới thiệu sách phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức vào các ngày lễ lớn trong năm nhằm thu hút bạn đọc, tổ chức tốt các hoạt động hưởng ứng Ngày Sách Việt Nam 21/4. Thư viện thường xuyên phối hợp với chuyên môn tổ chức các hội thi Thuyết trình văn học, Kể chuyện theo sách, Giới thiệu sách,...và đạt giải cao khi tham gia hội thi này ở cấp huyện [H20-3.6-03]; [H20-3.6-04].

c) Kết quả hoạt động được nhân viên thư viện báo cáo định kỳ hằng tháng, từng học kỳ và năm học với nhà trường. Bên cạnh đó, công tác kiểm kê, thanh lý được thực hiện thường xuyên nhằm thanh lọc sách, báo cũ, cải thiện kho sách. Mỗi năm học, hồ sơ hoạt động và quản lý thư viện được sắp xếp khoa học, gọn gàng, sạch, đẹp. Lãnh đạo nhà trường thường xuyên kiểm tra, đôn đốc bộ phận thư viện nhằm tăng cường công tác quản lý, tuyên truyền và phục vụ bạn đọc một cách hiệu quả [H20-3.6-05]; [H20-3.6-06]; [H20-3.6-07].

Mức 2

Thư viện đạt thư viên Tiên Tiến theo Quyết định số: 3338/QĐ-SGD&ĐT vào ngày 04 tháng 11 năm 2010. Năm 2020 thư viện nhà trường được công nhận danh hiệu Thư viện xuất sắc vào năm 2020 theo *Quyết định 723/QĐ-SGD&ĐT* ngày 15/5/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam [H20-3.6-04].

Mức 3

Mô tả như mức 1a và mức 2

2. Điểm mạnh

Không gian thư viện của nhà trường thoáng mát, đảm bảo đầy đủ các phòng chức năng. CSVC khang trang, thiết bị đầy đủ, trong đó có 04 máy vi tính có kết nối internet cho nhân viên thư viện làm việc và phục vụ bạn đọc. Các phòng đọc tại thư viện đều được kết nối mạng không dây, tạo điều kiện cho bạn đọc truy cập internet bằng các thiết bị khác, như: Laptop, iPad, điện thoại di động, v.v...

Số lượng đầu sách, thể loại sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật được bổ sung hằng năm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của CBGVNV và học sinh. Về hoạt động, thư viện có nhiều hoạt động phong phú như tổ chức các buổi tuyên truyền, giới thiệu sách, tổ chức các hội thi như Thuyết trình văn học, Kể chuyện theo sách,...và tham gia dự thi các cấp đạt giải cao. Thư viện đã và đang xử lý sách trên phần mềm thư viện Version của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Hồ sơ thư viện được sắp

xếp khoa học, sạch, đẹp, rõ ràng theo 5 tiêu chuẩn quy định thư viện. Thư viện nhà trường đã trải qua thời gian dài hình thành và phát triển nên có rất nhiều tư liệu cũ và có giá trị về lịch sử nên cần phải giữ gìn, bảo quản. Thư viện nhà trường được công nhận danh hiệu Thư viện xuất sắc vào năm 2020 theo Quyết định 723/QĐ-SGDĐT ngày 15/5/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam

3. Điểm yếu

Mặc dù thư viện nhà trường thường xuyên thanh lọc sách nhưng tài liệu cũ vẫn còn nhiều, có ảnh hưởng đến thẩm mỹ kho sách.

Dãy phòng thư viện tận dụng lại dãy phòng học cũ, xây dựng đã rất lâu nên việc trang trí và bảo quản gặp rất nhiều khó khăn trong tình hình thời tiết mưa, bão.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục đầu tư duy trì, nâng cao chất lượng Thư viện trường học, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên, học sinh đến thư viện mượn sách; khai thác tối đa nguồn tài nguyên thư viện phục vụ nghiên cứu và học tập góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Tăng cường công tác quản lý, có kế hoạch tổ chức cho CBGVNV và học sinh tham gia khai thác tốt nguồn tài nguyên từ hệ thống CNTT, Website của nhà trường.

Ngay từ đầu năm học 2022 - 2023 nhà trường xây dựng kế hoạch nâng cao, bổ sung các tiêu chí để duy trì Thư viện xuất sắc.

Tham mưu với UBND huyện đầu tư kinh phí để xây mới dãy thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Trường có CSVC, trang thiết bị dạy học đầy đủ theo quy định của Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; có đầy đủ phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc, phòng sinh hoạt chung, các công trình vệ sinh, nước sạch, nhà để xe, được bố trí hợp lý, khoa học. Khuôn viên nhà trường rộng rãi, thoáng mát, sạch, đẹp. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các phòng chức năng, thư viện, thiết bị, phòng bộ môn.

Trong những năm học, hệ thống CSVC và trang thiết bị của nhà trường đã được đầu tư cao, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế như diện tích phòng y tế chưa đảm bảo quy định; hệ thống thoát nước sân sau thư viện không tốt vào mùa mưa; phong trào tự làm ĐDDH chưa được thường xuyên, sản phẩm có giá trị sáng tạo cao còn ít. Điều đó đòi hỏi nhà trường trong thời gian đến tiếp tục đầu tư kinh phí để hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí về CSVC, trang thiết bị của nhà trường.

Thông kê

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 06/06
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 06/06
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 02/05

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trong những năm học qua, nhà trường thường xuyên tăng cường mối quan hệ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội. Nhà trường đã chủ động phối kết hợp với CMHS, Ban đại diện CMHS; tích cực tham mưu với lãnh đạo địa phương xã Tam Tiến, đồng thời phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể của địa phương, các lực lượng xã hội cùng chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn. Chính vì vậy, việc huy động học sinh ra lớp, chất lượng giáo dục, CSVC, trang thiết bị dạy học, cảnh quan sư phạm ngày càng hoàn thiện và không ngừng phát triển. Lãnh đạo địa phương luôn tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ nhà trường hoàn thành nhiệm vụ từng năm học cũng như thực hiện CLPTNT.

Các mối quan hệ bền chặt này đã và đang phát huy hiệu quả trong các mặt hoạt động và đã góp phần quyết định vào thành tích chung của nhà trường trong những năm qua.

Tiêu chí 1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Thực hiện Điều lệ Ban đại diện CMHS, vào đầu mỗi năm học nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức họp CMHS để cử Ban đại diện CMHS lớp gồm từ 3 đến 5 thành viên, trong đó có 1 trưởng ban và 1 phó ban, các thành viên là những người nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc phối hợp với GVCN lớp, giáo viên bộ môn, nhà trường và đại diện CMHS trong lớp thực hiện các hoạt động giáo dục học sinh. Trường tổ chức họp các trưởng ban và phó trưởng ban Ban đại diện CMHS của các lớp để bầu Ban đại diện CMHS trường. Ban đại diện CMHS trường từ 3 đến 5 thành viên, trong đó gồm trưởng ban, 2 phó trưởng ban và các thành viên thường trực. Ban đại diện CMHS lớp, Ban đại diện CMHS trường luôn thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện CMHS [H21-4.1-01].

b) Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm phù hợp với phương hướng nhiệm vụ của nhà trường và được thông qua trong cuộc họp các trưởng ban và phó trưởng ban các lớp ở mỗi đầu năm học để bàn bạc, trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được thống nhất, Cuộc họp đề ra và thống nhất Nghị quyết hoạt động của Ban đại diện CMHS trường trong nhiệm kỳ [H21-4.1-02].

c) Căn cứ vào Nghị quyết đã ban hành, Ban đại diện CMHS các lớp và của trường nghiêm túc thực hiện theo kế hoạch đề ra. Các hoạt động của Ban đại diện CMHS luôn thực hiện một cách đồng bộ và kịp thời đã góp phần tích cực giúp cho nhà trường thực hiện thắng lợi nhiệm vụ mỗi năm học [H21- 4.1- 02]; [H21- 4.1- 03].

Mức 2

Trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ năm học, nhà trường luôn chú trọng việc phối hợp cũng như tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt để Ban đại diện CMHS lớp, trường hoạt động có hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ theo quy định. Trong mỗi năm học, nhà trường tổ chức họp định kỳ với CMHS toàn trường 03 lần, với Ban đại diện CMHS lớp 03 lần, với Thường trực Ban đại diện CMHS trường 04 - 05 lần để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các công tác phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện CMHS. Đồng thời, Ban đại diện CMHS cùng với nhà trường phối hợp tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp; khen thưởng, động viên, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn; động viên học sinh có thành tích cao trong các phong trào thi đua; hỗ trợ học sinh tham gia các phong trào văn nghệ, tham quan trải nghiệm, TDTT; phối hợp giáo dục đạo đức cho học sinh, giải quyết các kiến nghị của CMHS có báo cáo sơ, tổng kết và lưu biên bản các cuộc họp CMHS trong từng nhiệm kỳ [H21-4.1-04].

Mức 3

Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện công tác phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS. Trong những năm học qua, chính nhờ làm tốt công tác phối hợp này mà các hoạt động của nhà trường luôn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu đề ra; chất lượng giáo dục toàn diện không ngừng phát triển, trật tự an ninh, an toàn trường học được đảm bảo, uy tín của nhà trường ngày càng được nâng cao [H21-4.1-05].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS được thành lập đúng quy định, hầu hết các thành viên trong Ban đại diện CMHS trường, lớp luôn nhiệt tình, tận tụy với công việc, tâm huyết, tích cực chăm lo sự nghiệp giáo dục của nhà trường, của địa phương.

Nhà trường đã phối kết hợp có hiệu quả với Ban đại diện CMHS lớp, trường để cùng chăm lo học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mồ côi cha mẹ, học sinh có học lực yếu, chăm lo phong trào học sinh giỏi, góp phần đẩy mạnh các phong trào thi đua trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Ban đại diện CMHS một số lớp hoạt động chưa đều tay; sự phối kết hợp giữa GVCN lớp, GVBM với Ban đại diện CMHS lớp ở số ít lớp chưa chặt chẽ trong một số hoạt động giáo dục chung của lớp, của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những mặt mạnh của Ban đại diện CMHS trong việc phối kết hợp chăm lo sự nghiệp giáo dục, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, tham gia quản lý trường lớp, đóng góp ý kiến xây dựng nhà trường, phản ánh tâm tư nguyện vọng của CMHS.

Tăng cường hơn nữa sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, GVCN, CMHS. Tăng cường sự trao đổi thông tin một cách kịp thời giữa nhà trường và gia đình thông qua sổ liên lạc điện tử, thư mời, điện thoại...

Nhà trường không ngừng chăm lo xây dựng Ban đại diện CMHS lớp, trường vững mạnh, phát huy tốt chức năng nhiệm vụ theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS thực hiện tốt chương trình công tác đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Xác định rõ vai trò và sứ mệnh của nhà trường, trong những năm qua nhà trường đã tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển sự nghiệp giáo dục THCS; kết quả tham mưu được cụ thể hóa trong các Nghị quyết của Đảng bộ xã, Hội đồng nhân dân xã [H22-4.2-01]; [H22-4.2-02].

b) Vào đầu mỗi năm học, cuối học kỳ I và cuối năm học, nhà trường luôn tổ chức họp CMHS lớp; các trưởng ban, phó trưởng ban Ban đại diện CMHS lớp; với Ban đại diện CMHS của trường. Trong các cuộc họp, nhà trường luôn chú trọng việc truyền tải những nội dung tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của địa phương nói chung và của nhà trường nói riêng. Đây là nhiệm vụ quan trọng, cũng là giải pháp thiết thực, hỗ trợ rất lớn cho nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Sự đồng thuận của phụ huynh, của cộng đồng là động lực giúp nhà trường gặt hái những thành công đáng khích lệ trong những năm học qua [H22-4.2-03].

c) Trường THCS Phan Bá Phiến luôn chú trọng chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, đặc biệt là chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn và khuyến khích động viên học sinh trong các phong trào thi đua. Để làm tốt nhiệm vụ này, bên cạnh những việc nâng cao tinh thần trách nhiệm của từng thành viên trong nhà trường, nhà trường còn tham mưu các cấp, ngành Giáo dục, các mạnh thường quân hàng năm đều có sự đóng góp, hỗ trợ mọi mặt cho nhà trường và nhà trường đã công khai, sử dụng đúng mục đích từ các nguồn lực hợp pháp trên [H22-4.2-03].

Mức 2

a) Nhà trường luôn tranh thủ sự lãnh, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, chủ động tham mưu kịp thời về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường thông qua một số kiến nghị trong các văn bản như: Kế hoạch nhiệm vụ năm học, Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; Báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm, các báo cáo, tờ trình... Hầu hết tham mưu của nhà trường đều được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thống nhất chủ trương, tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, CLPTNT [H22-4.2-01].

b) Trong các năm qua, nhà trường đã có sự phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương như: phối hợp với Công an xã Tam Tiến để thực hiện đảm bảo an toàn trật tự, phòng chống tai nạn, thương tích, cháy nổ, các tệ nạn xã hội; phối hợp với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã Tam Tiến thực hiện đảm bảo an toàn trật tự vào giờ tan trường, tổ chức tuyên truyền giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, TDTT và các nội dung giáo dục khác cho học sinh, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ đóng trên địa bàn xã; phối hợp với trạm

Y tế xã Tam Tiến thực hiện phòng chống dịch, tẩy giun cho học sinh; phối hợp Đoàn biên phòng Tam Thanh tuyên truyền, giáo dục truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngoài ra nhà trường còn huy động sự đóng góp của tập thể, cá nhân trong việc tạo cảnh quan sư phạm của nhà trường xanh, sạch, đẹp; thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài, hỗ trợ học sinh khó khăn vươn lên trong học tập [H22-4.2-03]; [H22-4.2-04].

Mức 3

Nhà trường luôn làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương. Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể như: Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, hội Cựu chiến binh... trong việc huy động học sinh ra lớp, giúp đỡ học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn, huy động các nguồn lực để tạo cảnh quan sân trường... Từng bước đưa nhà trường trở thành trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương [H22-4.2-01]; [H22-4.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tham mưu tích cực và có hiệu quả với Đảng ủy và chính quyền địa phương, phối hợp được với các tổ chức đoàn thể và huy động được nguồn lực các địa phương để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Nhà trường đã huy động được sự ủng hộ to lớn về tinh thần, vật chất của các lực lượng xã hội, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp đem lại sự thành công cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Công tác phối kết hợp giữa nhà trường với các tổ chức, đoàn thể còn mang tính thời vụ, theo từng năm học, chưa được thường xuyên và mang tính lâu dài.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy vai trò tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh; xây dựng môi trường giáo dục ngày càng an toàn, lành mạnh đồng thời làm tốt công tác thi đua khen thưởng động viên học sinh vươn lên trong học tập, rèn luyện.

Đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện một cách cụ thể. Đồng thời xây dựng chiến lược dài hạn, trung hạn phát triển nhà trường. Trên cơ sở đó, nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể phối hợp và tạo điều kiện để nhà trường thực hiện đúng kế hoạch đề ra.

Tham mưu với lãnh đạo địa phương tổ chức các chuyên đề về công tác nâng cao các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục nhằm khơi dậy tinh thần chăm lo sự nghiệp giáo dục cho con em trên địa bàn; đồng thời huy động mọi tổ chức, các nhà hảo tâm, các nhà doanh nghiệp trong việc đóng góp xây dựng, thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

Hàng năm có đánh giá rút kinh nghiệm trong công tác phối kết hợp để nhà

trường và các đoàn thể có mối quan hệ chặt chẽ hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Nhà trường đã tổ chức thực hiện có hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện CMHS theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS và Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường; phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Huy động được nhiều nguồn lực để đầu tư xây dựng CSVN, khen thưởng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh nghèo, góp phần xây dựng thành công Trường THCS Phan Bá Phiến đạt chuẩn Quốc gia.

HĐGDNGLL của nhà trường có nhiều mặt mạnh, tổ chức nhiều sân chơi bổ ích hỗ trợ công tác dạy và học. Nhân các ngày sinh hoạt chủ điểm, các ngày lễ kỷ niệm trong năm, nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương và các tổ chức, lực lượng xã hội khác tổ chức nhiều hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh để góp phần thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Thông kê

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 02/02.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 02/02.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Việc đảm bảo chương trình giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục là thước đo góp phần đánh giá chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. Tất cả các hoạt động giáo dục, nhà trường đều thực hiện theo chương trình của Bộ GDĐT và hướng dẫn thực hiện của Sở GDĐT, Phòng GDĐT. Nhiệm vụ năm học được thông qua tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm, nhà trường đề ra các biện pháp tích cực để đẩy mạnh công tác giảng dạy, duy trì PCGD, công tác hỗ trợ giáo dục như các HĐGDNGLL, hoạt động đoàn thể xã hội.... Để nâng cao hiệu quả các hoạt động, nhà trường còn chỉ đạo các đoàn thể, các tổ chuyên môn rà soát các biện pháp nhằm không ngừng cải tiến các hoạt động giáo dục của giáo viên, học sinh. Nhờ đó chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường ngày càng được nâng lên.

Tiêu chí 1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Quảng Nam, Phòng GDĐT Núi Thành; căn cứ đặc điểm, tình hình thực tế tại địa phương và đơn vị, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, học kỳ, tháng, tuần. Trên sở kế hoạch chung của trường, bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần [H23-5.1-01].

Trên cơ sở kế hoạch thời gian năm học của nhà trường, khung phân phối chương trình của Bộ GDĐT, hướng dẫn của Sở GDĐT Quảng Nam và Phòng GDĐT Núi Thành, mỗi tổ chuyên môn thống nhất xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp cho từng môn học. Từ kế hoạch dạy học của tổ, giáo viên lập kế hoạch dạy học của cá nhân. Tổ chuyên môn triển khai cho từng giáo viên thực hiện đúng kế hoạch chương trình dạy học và học tập theo từng môn học, không có hiện tượng cắt xén hoặc dồn ép chương trình. Hàng năm trường có đánh giá về việc thực hiện kế hoạch, thời gian năm học. Để quản lý tốt việc thực hiện chương trình theo đúng kế hoạch thời gian năm học, nhà trường thường xuyên kiểm tra đánh giá các loại hồ sơ có liên quan như: Kế hoạch dạy học của giáo viên, sổ điểm cá nhân. Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát đánh giá việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học cũng như kế hoạch giảng dạy của giáo viên. Cuối học kỳ I và cuối mỗi năm học, nhà trường kiểm tra rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập trước CBGVNV nhà trường và báo cáo về Phòng GD-ĐT [H8-1.8-02], [H8-1.8-03].

b) Nhà trường tổ chức cho đội ngũ giáo viên tham gia đầy đủ các đợt học tập bồi dưỡng chuyên môn do Phòng GD-ĐT tổ chức, đồng thời giáo viên nhà trường luôn có tinh thần tự học, tự bồi dưỡng để trên cơ sở đó thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học. Trên cơ sở chuẩn kiến thức kỹ năng và hướng dẫn giảm tải của Bộ GD-ĐT, giáo viên đã sử dụng hợp lý sách giáo khoa trong dạy và học, liên hệ thực tế khi dạy học, dạy học tích hợp, thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh. Hằng năm, giáo viên được bồi dưỡng các phương pháp dạy học mới như dạy học tích hợp, lồng ghép kỹ năng sống, giáo dục bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng sạch và vận dụng vào dạy học có hiệu quả. Hầu hết các môn học giáo viên đều thực hiện tốt việc liên hệ thực tế trong từng bài giảng. Với mỗi bài dạy, giáo viên thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng, phát triển tư duy cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phân tích, so sánh, kỹ năng thực hành, sử dụng bản đồ, thiết bị dạy học, làm việc theo nhóm. Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đều có tổ chức hội thảo, xây dựng các chuyên đề chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh [H4-1.4-04].

b) Đổi mới phương pháp dạy đi đôi với đổi mới phương pháp học; đội ngũ giáo viên của trường đã ứng dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực được tiến hành thường xuyên trong tiết học. Việc tổ chức học sinh học tập tích cực, chủ động phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm.... trong từng tiết học đã kích thích được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Bên cạnh đó, trong quá trình dạy học giáo viên chú trọng hướng dẫn học sinh thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, rèn luyện được nhiều kỹ năng sống cho học sinh. Nhà trường tăng cường chỉ đạo cho giáo viên thực hiện tốt công tác dự giờ thăm lớp [H23-5.1-03].

Hằng năm nhà trường tổ chức tốt phong trào Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường và xét chọn cử giáo viên tham gia hội thi giáo viên giỏi cấp huyện và cấp tỉnh. Nhà trường đã có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, cấp huyện [H7-1.7-05].

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả là nhiệm vụ mà nhà trường luôn quan tâm. Trong việc kiểm tra, nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức để đánh giá học sinh một cách khách quan, đồng thời tổ chức khảo sát năng lực học sinh giỏi các bộ môn văn hóa, cũng như các bộ môn năng khiếu, TDTT để phát hiện và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các em và qua đây để lựa chọn những học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia vào đội tuyển học sinh giỏi, học sinh năng khiếu để tham gia vào hội thi, kỳ thi các cấp [H23-5.1-04].

Mức 2

a) Kế hoạch nhiệm vụ năm học của nhà trường luôn quán triệt đến tập thể giáo viên phải thực hiện giảng dạy đúng chương trình, kế hoạch giáo dục quy định; kế hoạch dạy học phải được điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng học sinh ở từng lớp khác nhau. Ở một số môn học, tiết học, giáo viên đã lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng

đối tượng, từng lớp học và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H4-1.4-04].

b) Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu là nhiệm vụ xuyên suốt của nhà trường. Đầu năm học, nhà trường tổ chức các cuộc khảo sát nhằm phát hiện học sinh giỏi các bộ môn văn hoá và học sinh có năng khiếu về thể thao, nghệ thuật, trên cơ sở đó nhà trường tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực cho các em đồng thời lựa chọn những học sinh có năng lực tốt hơn tham gia các hội thi, kỳ thi do cấp trên tổ chức. Đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện thì việc thực hiện sau khi kết thúc học kỳ I, trên cơ sở kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, trường chỉ đạo các lớp rà soát, lập danh sách để trường tổng hợp và xây dựng kế hoạch và triển khai việc phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Qua các năm học, nhiều học sinh đạt giải cao trong các hội thi do các cấp tổ chức. Nhiều năm liền, kết quả học sinh giỏi của trường đứng đầu bảng B và trong top đầu của huyện [H23-5.1-02].

Mức 3

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch và thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Nhờ thực hiện tốt công việc rà soát, phân tích, đánh giá này mà chất lượng giáo viên và học sinh luôn được nâng dần qua các năm học [H8-1.8-06].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch dạy học từng môn học được cụ thể hóa đến từng tổ, nhóm chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT và Phòng GDĐT.

Nhà trường luôn thực hiện giảng dạy đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Trong giảng dạy luôn chú trọng đổi mới PPDH, năng lực giảng dạy của giáo viên được nâng cao, có nhiều giáo viên đạt kết quả cao trong hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp. Công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh luôn được chú trọng.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu luôn được nhà trường quan tâm và thực hiện hiệu quả.

Công tác kiểm tra, đánh giá, rà soát của nhà trường, tổ chuyên môn được chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên giúp cho giáo viên thực hiện theo đúng kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch dạy học; nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Việc phụ đạo học sinh yếu còn gặp một số khó khăn về cơ sở vật chất (thiếu phòng để giảng dạy), bình quân giáo viên chưa đạt 1,9 GV/ lớp nên đa số giáo viên đều giảng dạy đủ 19 tiết, kinh phí tăng thay không có làm cho việc phân công giáo viên dạy phụ đạo học sinh yếu gặp khó khăn nên các năm qua, việc phụ đạo học sinh yếu chỉ tiến hành ở một số bộ môn và chỉ thực hiện ở học kỳ 2 trong mỗi năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất và có đánh giá, góp ý cụ thể để rút kinh nghiệm và kịp thời điều chỉnh sai sót việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập của từng môn học, từng giáo viên. Nhà trường nắm bắt kịp thời những ý kiến phản hồi của học sinh, PHHS về công tác giảng dạy của giáo viên để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học.

Tiếp tục phát huy vai trò của các tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn trong việc hỗ trợ nhà trường theo dõi, chỉ đạo cũng như rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học từng môn học, từng giáo viên theo quy định.

Nhà trường chọn lọc một số môn học ở những thời điểm thích hợp, đồng thời rà soát phân công đội ngũ lao động hợp lý để bố trí cho việc bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh yếu kém.

Tổ chức có chất lượng hội thi GVDG, GVCN lớp giỏi cấp trường và tham gia tích cực hội thi do cấp trên tổ chức nhằm đẩy mạnh đổi mới PPDH tích cực, nhất là UDCNTT vào dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh.

Tổ chức giờ lên lớp sinh động nhằm tạo hứng thú học tập, phát huy sự sáng tạo ở học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học theo từng năm học, trong đó có chú trọng đến việc giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Đồng thời, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng loại đối tượng để việc giáo dục cho các đối tượng này có hiệu quả [H24-5.2-01].

b) Trên cơ sở kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, nhà trường tổ chức triển khai đến các tổ chuyên môn, giáo viên và học sinh. Đầu năm học, nhà trường tổ chức khảo sát các đối tượng học sinh năng khiếu; phân loại các học sinh có hoàn cảnh khó khăn; sau kết quả học kỳ I tiến hành lập danh sách học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Từ đó nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể các chuyên đề để thực hiện kế hoạch giáo dục cho từng loại đối tượng học sinh. Đối với học sinh học giỏi các bộ môn văn hoá, học sinh có năng khiếu về các bộ môn TDTT, Âm nhạc, Mĩ thuật nhà trường tổ chức thành lập Câu lạc bộ như CLB thể thao, CLB Nghệ thuật để các em được giao lưu, trao đổi, phát triển năng khiếu; hằng năm tổ chức những cuộc thi, hội thi nhằm tạo sân chơi lành mạnh, vui tươi, bổ ích cho các em và qua hoạt động này chọn lựa, bồi dưỡng, huấn luyện để các em tham gia dự thi do cấp trên tổ chức. Việc giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được thực hiện lồng ghép trong các giờ học với các phong trào như đôi bạn cùng tiến, giúp bạn cùng tiến bộ. Qua việc bồi dưỡng phụ đạo các đối tượng học sinh nêu trên, chất lượng mũi nhọn và đại trà của trường được nâng lên qua từng năm học [H24-5.2-02].

c) Kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được triển khai và thực hiện. Để công việc này được thực hiện có hiệu quả hơn qua từng năm học, hằng năm nhà trường tổ chức rà soát, tổng kết, đánh giá các hoạt động này để có cơ sở xem xét điều chỉnh phù hợp hơn với đối tượng học sinh và nguồn lực của nhà trường. Kết quả đạt được qua các năm học đã đánh giá được việc thực hiện của nhà trường trong việc giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H24-5.2-01], [H8-1.8-06].

Mức 2

Nhà trường xác định bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém là giải pháp tốt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Đội ngũ giáo viên và học sinh đã rất quan tâm và tích cực trong quá trình thực hiện, đặc biệt ở các em học sinh đã nhận thức và tự đánh giá được thực lực, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để tích cực hơn trong quá trình học tập, nhờ đó học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đã đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục mà nhà trường đề ra [H14-2.4-03], [H23-5.1-03].

Mức 3

Qua các năm học, học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi học sinh giỏi các bộ môn văn hóa và các bộ môn năng khiếu, rất nhiều em đạt thành tích cao ở cấp

huyện và cấp tỉnh, luôn là một trong những trường tốp đầu về chất lượng học sinh giỏi của huyện Núi Thành. Công tác giáo dục thể chất được nhà trường quan tâm đúng mức, thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục thể thao trong nhà trường và chọn học sinh tham gia thi đấu giải thể thao các cấp đem lại kết quả cao, được xếp trong tốp đầu của huyện Núi Thành về thành tích hội thi thể dục thể thao trong học sinh [H24-5.2-03].

1. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Đội ngũ giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, cũng như đội ngũ giáo viên tham gia huấn luyện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu tinh thần trách nhiệm cao, nhiều kinh nghiệm. Nguồn lực học sinh có năng khiếu dồi dào, học sinh tích cực và tư duy tốt.

Các phong trào thi đua, văn hóa, văn nghệ, TDTT luôn được chú trọng và được tổ chức hằng năm; không những là sân chơi vui tươi, bổ ích góp phần rèn luyện sức khỏe, thẩm mỹ, kỹ năng sống cho các em mà qua hoạt động còn làm cơ sở để lựa chọn lực lượng học sinh để tham gia dự thi cấp trên. Qua các hội thi, nhà trường luôn đạt thành tích cao và duy trì được vị trí tốp đầu của huyện.

3. Điểm yếu

Một số học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cũng như gặp khó khăn trong việc tiếp thu học tập và rèn luyện, tham gia học tập chưa được thường xuyên trong các buổi phụ đạo, tập luyện do nhà trường tổ chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm tổ chức rà soát, đánh giá việc tổ chức kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để có kế hoạch điều chỉnh qua các năm nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

Tăng cường mối quan hệ Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong công tác bồi dưỡng và phụ đạo các đối tượng học sinh, đây cũng là giải pháp quan trọng trong công tác dạy học của nhà trường.

Đề cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm, chi đoàn thanh niên, tổng phụ trách đội trong việc vận động học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để giúp các em tham gia đầy đủ trong các đợt phụ đạo, luyện tập.

Tăng cường giáo dục học sinh về tầm quan trọng của việc học, cũng như những kỹ năng cần trang bị cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đã thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GDĐT, góp phần thực hiện mục tiêu môn học gắn lý luận với thực tiễn, tạo ra hứng thú, động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học. Nội dung giáo dục của địa phương bao gồm những vấn đề cơ bản về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương. Kế hoạch dạy học Nội dung giáo dục của địa phương được xây dựng theo từng chủ đề phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường và kế hoạch dạy học các môn học có liên quan, tạo thuận lợi cho học sinh liên hệ, vận dụng những nội dung kiến thức đã học trong các môn học với thực tiễn tại địa phương. [H25-5.3-01]; [H25-5.3-02]; [H25-5.3-03].

b) Hằng năm, nhà trường chỉ đạo các tổ Chuyên môn Sử - Địa và Ngữ Văn cùng trao đổi thống nhất trong việc đánh giá, các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả. Thực hiện kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo đúng quy định của Bộ GDĐT và các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT, Phòng GDĐT, kiểm tra qua sổ đầu bài, kế hoạch dạy học và giáo án của giáo viên, qua dự giờ thăm lớp giáo viên [H25-5.3-04], [H25-5.3-05].

c) Mỗi học kỳ, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, điều chỉnh bổ sung nội dung giáo dục địa phương lồng ghép sao cho phù hợp với tính thời sự địa phương [H25-5.3-04].

Mức 2

Đã mô tả ở mức 1a

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GDĐT, các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT và Phòng GDĐT. Chương trình giáo dục địa phương được lồng ghép vào chương trình giảng dạy các bộ môn theo yêu cầu tích hợp cho học sinh.

Giáo viên của nhà trường tích cực, tinh thần trách nhiệm cao trong việc sưu tầm, bổ sung cập nhật tài liệu để giảng dạy chương trình giáo dục địa

phương. Chương trình có nội dung phong phú, gần gũi, phù hợp thực tế đã tạo niềm hứng thú học tập trong học sinh, giúp học sinh có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống lịch sử của địa phương, góp phần nâng cao chất lượng môn học.

3. Điểm yếu

Trong quá trình dạy học, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn có giảng dạy nội dung giáo dục địa phương, tuy nhiên việc rà soát, đánh giá cải tiến điều chỉnh chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tới, nhà trường tăng cường công tác rà soát, đánh giá, cải tiến nhằm điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương cho phù hợp. Tăng thời lượng cho hoạt động giáo dục địa phương, tích cực tổ chức cho học sinh tham quan, học tập các vấn đề thực tế của địa phương thông qua các chương trình như: hành trình về nguồn, thăm các di tích lịch sử, văn hóa, giao lưu với các nhân chứng lịch sử ở quê hương giúp các em hiểu biết thêm về truyền thống hiếu học của xứ Quảng, truyền thống cách mạng và thấp sáng những ước mơ cao đẹp để các em tiếp nối truyền thống tốt đẹp của quê hương.

Bổ sung tư liệu giáo dục địa phương trong thư viện để học sinh có điều kiện đọc, tìm hiểu.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trong những năm học qua, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong trường THCS là một trong những hoạt động quan trọng của nhà trường. Chính vì vậy, từ đầu mỗi năm học nhà trường ban hành kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Mục đích của hoạt động này là hình thành ý thức, phẩm chất, kỹ năng

sống và năng lực cho học sinh; phát triển, nâng cao các tố chất và tiềm năng của bản thân học sinh, nuôi dưỡng ý thức sống tự lập, đồng thời quan tâm, chia sẻ tới những người xung quanh; hình thành và phát triển cho các em những giá trị sống, kỹ năng sống và các năng lực cần thiết [H26-5.4-01]; [H26-5.4-02].

b) Trong các năm học qua nhà trường đã tổ chức rất nhiều hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch đề ra với các nội dung trải nghiệm, hướng nghiệp như: tổ chức các hoạt động dã ngoại trong tỉnh; tổ chức các hoạt động tuyên truyền dưới cờ; tổ chức giảng dạy chính khóa; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, các Hội thi trong các ngày lễ như Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11), thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12), thành lập Đảng (3/2), Sinh nhật Đoàn TNCSHCM (26/3).... [H10-1.10-01].

c) Trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện luôn phân công, huy động CBGVNV trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp này. Việc tổ chức giảng dạy hướng nghiệp theo quy định do Hiệu trưởng hoặc giáo viên chủ nhiệm đảm nhận; còn các hoạt động khác đều phân công rõ ràng và được ủng hộ nhiệt tình của CBGVNV. Việc phân công tham gia các hoạt động này được niêm yết công khai và triển khai trực tiếp cho CBGVNV [H10-1.10-01]; [H26-5.4-03].

Mức 2

a) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp do nhà trường tổ chức với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực như thăm và giao lưu với đồn Biên Phòng 268, trải nghiệm thực tế tại khu du lịch SIC Quảng Nam, khu du lịch Phú Ninh, tham quan Nhà thờ Võ Chí Công, khu tưởng niệm Mẹ Việt Nam anh hùng, bảo tàng Quân khu V.... Hoạt động hướng nghiệp được nhà trường chú trọng, hằng năm đều có phối hợp với các trường nghề để định hướng nghề cho các em, đặc biệt dành cho học sinh lớp 9 [H10-1.10-01].

b) Việc đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động là một trong những yêu cầu của nhà trường. Đây không những là cơ sở đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ mà còn để rút kinh nghiệm cho việc tổ chức các hoạt động sau được hiệu quả hơn. Công tác hướng nghiệp cho học sinh luôn được quan tâm, hằng năm nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh [H26-5.4-02].

2. Điểm mạnh

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp luôn được chú trọng nên hằng năm luôn xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả.

Tổng phụ trách đội, giáo viên luôn tâm huyết và luôn tham gia tích cực trong các hoạt động của trường.

Phụ huynh và học sinh đồng lòng ủng hộ và tham gia tích cực hoạt động này.

3. Điểm yếu

Nhà trường xác định được nhiều hoạt động trải nghiệm bổ ích cho học sinh, tuy nhiên do số lượng học sinh trên một khối lớp quá đông, nên một số hoạt động chưa thể tạo điều kiện để 100% các em được tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tăng cường thời lượng cho hoạt động giáo dục trải nghiệm, chú ý xây dựng nội dung cụ thể trong các hoạt động ở những tiết chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, sinh hoạt chủ đề, tham quan học tập và khuyến khích, tạo điều kiện cho các câu lạc bộ hoạt động phong phú và hiệu quả.

Có những cải tiến phù hợp, hấp dẫn, lôi cuốn trong các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và tạo điều kiện để học sinh tham gia đầy đủ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học, trong đó quan tâm đến nội dung định hướng giáo dục hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh. Trên cơ sở đó, các tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên cụ thể hóa nội dung giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống cho học sinh [H10-1.10-01].

b) Học sinh được giáo dục về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kiểm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm thông qua việc giảng

dạy tích hợp trong các môn học của chương trình chính khoá và trong các tiết NGLL. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động giáo dục NGLL với quy mô toàn trường hoặc khối lớp dưới hình thức nói chuyện chuyên đề, diễn đàn, cắm trại, hội thi, tham quan học tập để thực hiện các nội dung giáo dục kỹ năng sống nói trên. Vì thế, trong những năm học qua, quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh đã có chuyển biến tích cực, hiệu quả [H27-5.5-01].

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng và nhà trường thực hiện rất tốt. Tính hiệu quả đó nhờ nhà trường thực hiện tốt các nhóm giải pháp: Một là, nhà trường thường xuyên chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh gắn với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam cho học sinh; hai là, luôn kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống cho học sinh; ba là, phát huy vai trò tự học tập, tự du dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của học sinh.

Mức 2

a) Bên cạnh việc tổ chức hình thành và phát triển kỹ năng sống cho học sinh, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật, tổ chức giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phù hợp với con người Việt Nam; nhà trường luôn tổ chức hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện [H27-5.5-01].

b) Chính làm tốt việc tổ chức việc hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh nên khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển. Trong các năm học qua, trường có nhiều học sinh đạt giải trong các hội thi liên quan đến kỹ năng sống [H27-5.5-02].

Mức 3:

Đã mô tả ở mức 2b

2. Điểm mạnh

Trong giờ lên lớp cũng như trong các hoạt động xã hội, giáo viên đã thực hiện tốt yêu cầu rèn kỹ năng sống cho học sinh. Việc làm này đã tạo được sự đồng thuận và phối kết hợp của CMHS, của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể...

Nhà trường đã tạo được môi trường giáo dục lành mạnh, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục và HĐGD NGLL nhằm rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Học sinh tham gia tích cực vì đáp ứng được nhu cầu của bản thân.

Học sinh được trang bị các kỹ năng sống nên có thể dễ thích ứng với mọi hoàn cảnh và tự bảo vệ mình trong các tình huống thường gặp.

3. Điểm yếu

Việc tích hợp nội dung giáo dục rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh qua các môn văn hóa chưa linh hoạt và hiệu quả.

Nhà trường chưa có nhân viên chuyên sâu trong tư vấn học đường, giáo viên chưa được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác này mà chủ yếu tự học, tự nghiên cứu để thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả nội dung tích hợp kỹ năng sống qua các môn văn hóa, các chương trình HĐGDNGLL như: Sinh hoạt lớp, chào cờ, sinh hoạt Đội, tham quan trải nghiệm, các cuộc thi, hội thi, tuyên truyền các chủ đề về kỹ năng sống cho học sinh.

Tổ chức nhiều HĐGDNGLL nhân các ngày kỷ niệm như 26/3, 20/11, 22/12 để giáo dục truyền thống cho học sinh và qua hoạt động học sinh có nhiều cơ hội trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng sống trong môi trường thực tế, nâng cao hiệu quả giáo dục.

Giáo viên tư vấn học đường tiếp tục tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ. Đồng thời, vào đầu năm học, nhà trường tham mưu Phòng GDĐT có kế hoạch tổ chức tập huấn công tác tư vấn học đường cho đội ngũ giáo viên làm công tác tư vấn học đường cho cả Ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 6: Kết quả giáo dục

Mức 1

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm học sinh:

Năm học 2018-2019 về học lực: Học sinh giỏi đạt 13,3%; học sinh khá đạt 37,8%; học sinh trung bình đạt 44,1%; học sinh yếu 4,8 %. Về hạnh kiểm: Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt 99,2%; không có học sinh có hạnh kiểm yếu.

Năm học 2019-2020 về học lực: Học sinh giỏi đạt 15,0%; học sinh khá đạt 40,4 %; học sinh trung bình đạt 43%; học sinh yếu 1,6%. Về hạnh kiểm: Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt 100%; không có học sinh có hạnh kiểm trung bình, yếu.

Năm học 2020-2021 về học lực: Học sinh giỏi đạt 19%; học sinh khá đạt 42%; học sinh trung bình đạt 38%; học sinh yếu 1%; không có học sinh kém. Về hạnh kiểm: Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt 99,7%; không có học sinh có hạnh kiểm yếu.

Năm học 2021-2022 về học lực: Học sinh giỏi, tốt đạt 22,1%; học sinh khá đạt 40,2%; học sinh trung bình đạt 36,4%; học sinh yếu 1,3%. Về hạnh kiểm: Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt 99,3%; không có học sinh có hạnh kiểm yếu.

Năm học 2022-2023 về học lực: Học sinh giỏi đạt 24,5%; học sinh khá đạt 41,1%; học sinh trung bình đạt 34%; học sinh yếu 0,4%. Về hạnh kiểm: Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt 99,2%; không có học sinh có hạnh kiểm yếu [H28-5.6-01].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp THCS

Năm học 2018-2019: Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt 95,2 %, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%.

Năm học 2019-2020: Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt 98,4%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%.

Năm học 2020-2021: Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt 99 %, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100 %.

Năm học 2021-2022: Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt 98,7%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,4%.

Năm học 2022-2023: Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt 99,6%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100% [H28-5.6-02].

c) Định hướng phân luồng cho học sinh luôn được trường chú trọng:

Hàng năm nhà trường thống kê, phân loại và làm tốt công tác tư vấn để có định hướng phù hợp cho công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS. Hầu hết học sinh sau khi tốt nghiệp THCS vào học các trường THPT Duy Tân, trường PTTH Phan Bội Châu thành phố Tam Kỳ, trường PTTH Cao Bá Quát huyện Núi Thành, trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm. Số học sinh không đậu vào các trường trên tham gia đăng ký học nghề hoặc vừa học nghề vừa học văn hóa. Nhìn chung công tác phân luồng học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H28-5.6-03]; [H28-5.6-04].

Mức 2

a) Xác định mọi hoạt động trong nhà trường đều hướng đến kết quả cuối cùng là hiệu quả của hoạt động giáo dục. Nên trong những năm học qua, nhà trường luôn quan tâm đến kết quả học lực và hạnh kiểm của học sinh, chính vì vậy đã có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, qua 05 năm học, kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh của trường luôn đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường và có sự chuyển biến tăng dần qua các năm với mức tăng trung bình hằng năm là 1% [H28-5.6-01].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp THCS có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, qua 05 năm học, kết quả học sinh lên lớp hằng năm của trường có sự chuyển biến tăng dần qua các năm với mức tăng trung bình hằng năm là 1%. Tỷ lệ tốt nghiệp THCS luôn ổn định với tỷ lệ cao và nhiều năm đạt 100% [H28-5.6-02].

Mức 3

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Qua 05 năm học, tỷ lệ học sinh bỏ học, học sinh lưu ban, cụ thể:

Năm học 2018-2019 có 6 học sinh bỏ học, tỷ lệ học sinh bỏ học là 1,0%; học sinh lưu ban 2 em, tỷ lệ học sinh lưu ban là 0,3%.

Năm học 2019-2020 có 1 học sinh bỏ học, tỷ lệ học sinh bỏ học là 0,2%; không có học sinh lưu ban.

Năm học 2020- 2021 không có học sinh bỏ học, tỷ lệ học sinh bỏ học là 0 %; học sinh lưu ban 0 em, tỷ lệ học sinh lưu ban là 0 %.

Năm học 2021-2022 có 1 học sinh bỏ học, tỷ lệ học sinh bỏ học là 0,2%.

Năm học 2022-2023 không có học sinh bỏ học.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hằng năm cao và ổn định.

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban thấp so với quy định.

Chất lượng đội tuyển học sinh giỏi tham dự các hội thi học sinh giỏi các cấp luôn đạt nhiều giải cao; số lượng thi đỗ vào Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm năm nào cũng có.

3. Điểm yếu

Mặc dù nhà trường đã có sự nỗ lực rất lớn trong công tác giảng dạy và tìm biện pháp nâng cao chất lượng đại trà, tuy nhiên chất lượng học lực của học sinh có độ phân hóa khá rõ rệt, số lượng học sinh yếu trước khi thi lại vẫn còn nhiều ở một số năm; một bộ phận nhỏ học sinh ý thức, tinh thần thái độ học tập chưa cao, điều kiện hoàn cảnh gia đình một số em còn khó khăn nên cũng có ảnh hưởng đến kết quả giáo dục chung của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh, chú trọng giúp đỡ học sinh học lực yếu, kém thông qua dạy phụ đạo để nâng cao chất lượng đại trà.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm học; chú trọng việc dạy các em cách tự học, tự bồi dưỡng và chuẩn bị các đội tuyển học sinh giỏi có chất lượng.

Lãnh đạo nhà trường phân công lao động một cách hợp lý, phù hợp với năng lực CBGVNV; chọn giáo viên có tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên

môn giỏi, có kinh nghiệm, phụ trách các lớp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém. Phân công giáo viên theo hướng kế thừa ổn định để phát huy tiềm năng của đội ngũ.

Trường tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đại học, trên đại học, các lớp học bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao năng lực sư phạm nhà giáo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Trong 05 năm học qua, nhà trường thường xuyên tập trung chỉ đạo sâu sát các hoạt động giáo dục và đã đạt nhiều thành tích đáng trân trọng. Thực hiện đảm bảo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ GDĐT, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương. Tiếp tục đổi mới PPDH nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh. Thực hiện tốt nhiệm vụ PCGD của địa phương. Chỉ đạo hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu, kém theo kế hoạch của nhà trường và theo quy định của các cấp quản lý giáo dục ngày càng hiệu quả.

Đã chỉ đạo tích hợp nội dung giáo dục địa phương, rèn luyện kỹ năng sống, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh qua giảng dạy các môn văn hóa, qua các HĐGDNGLL.

Chất lượng học lực các bộ môn văn hóa, hạnh kiểm, học sinh giỏi bộ môn các cấp trong 5 năm học qua đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch nhà trường. Uy tín chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được khẳng định đối với địa phương và trên toàn huyện.

Thống kê

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 06/06
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 06/06
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 03/04

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4: (Phần này không đạt)

III. KẾT LUẬN CHUNG

Trên đây là toàn bộ nội dung TĐG trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục mà tập thể HĐSP Trường THCS Phan Bá Phiến đã đầu tư thực hiện trong thời gian qua.

Với tinh thần làm việc khoa học, thận trọng và nghiêm túc, với sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên của Hội đồng TĐG và các cơ quan, tổ chức có liên quan, Báo cáo TĐG của Trường THCS Phan Bá Phiến là một công trình khoa học, thể hiện một cách trung thực, đầy đủ những mặt mạnh cùng các tồn tại cần sớm được khắc phục của nhà trường về mọi phương diện giúp các cấp lãnh đạo, PHHS, học sinh và HĐSP nhà trường có cái nhìn chính xác, đầy đủ về quá trình phát triển của nhà trường trong nhiều năm qua.

Qua việc thực hiện TĐG trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và Hướng dẫn số 5932/BGDĐT - QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn TĐG và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, nhà trường đã TĐG được những ưu điểm cũng như những tồn tại trong mọi hoạt động của nhà trường. Kết quả TĐG chất lượng giáo dục trên đã xác định trách nhiệm của từng thành viên trong HĐSP nhà trường đối với công tác giáo dục vào thời điểm hiện tại và thời gian sắp đến.

Đến thời điểm này, báo cáo TĐG kiểm định chất lượng giáo dục được hoàn thành, thể hiện sự cố gắng lớn của tập thể CBGVNV nhà trường đã đồng lòng hợp sức cao nhất, cùng nhau vượt khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trong suốt quá trình TĐG theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ GDĐT đã ban hành, tập thể CBGVNV, học sinh và phụ huynh Trường THCS Phan Bá Phiến hết sức tự hào về những thành quả mà nhà trường đã đạt được trong những năm học qua ở các lĩnh vực như xây dựng CLPTNT, công tác quản lý và tổ chức, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục, về công tác quản lý tài chính và CSVC; sự phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội và đặc biệt là kết quả giáo dục học sinh. Trong những năm qua tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh khá đều tăng. Tất cả những tiêu chuẩn trên đã phản ánh chính xác, khách quan nhất chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Đó chính là nguồn động viên, là niềm tự hào của mỗi thầy, cô giáo và học sinh khi được giảng dạy và học tập dưới mái trường Trường THCS Phan Bá Phiến này. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn có những tồn tại khuyết điểm chủ quan mà nhà trường cần phải nghiêm túc khắc phục trong thời gian đến.

Kết quả quá trình TĐG của nhà trường là sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CBGVNV và học sinh. Tất cả đã quyết tâm vượt qua khó khăn không những để hoàn thành nhiệm vụ TĐG kiểm định chất lượng giáo dục mà còn để minh chứng cho những thành quả mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua nhằm góp phần xây dựng nhà trường phát triển toàn diện.

Với những thành quả đạt được trong 05 năm học qua cùng với thực trạng của nhà trường, từ năm học 2022 - 2023 tập thể CBGVNV Trường THCS Phan Bá Phiến tiếp tục phấn đấu hoàn thành những mục tiêu đề ra, đó là: Nâng cao chất lượng giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; thực hiện nghiêm kỷ cương, nề nếp, dân chủ trong trường học, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường và thực hiện tốt vệ sinh trường học; tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ứng xử văn hóa cho học sinh để xây dựng Trường THCS Phan Bá Phiến thật sự là ngôi trường hạnh phúc; nâng cao chất lượng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh; ổn định mạng lưới trường lớp và đội ngũ CBGVNV; tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị; làm tốt công tác xã hội hóa, chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết và thực hiện thành công chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Qua quá trình TĐG kiểm định chất lượng giáo dục theo bộ tiêu chuẩn được ban hành kèm theo Thông tư 18/2018/TT - BGDDT, ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT, nhà trường nhận thấy đã đạt được kết quả cụ thể như sau:

Thống kê

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 28/28; tỉ lệ 100%;
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 28/28; tỉ lệ 100%;
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 12/28; tỉ lệ 42,9%;
- Trường THCS Phan Bá Phiến đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.
- Trường THCS Phan Bá Phiến đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Tam Tiến, ngày 15 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Mai Văn Lực

PHẦN III
PHỤ LỤC
Phụ lục I
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
<i>Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường</i>					
1	[H1-1.1-01]	Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành.	Số 01-NQ/ĐH ngày 26/10/2020 Số 01-NQ/ĐH ngày 30/06/2020 Số 01-NQ/ĐH ngày 08/05/2020	Tỉnh ủy Huyện ủy Đảng ủy xã	
2	[H1-1.1-02]	Sở nghị quyết của nhà trường Nghị quyết Hội đồng trường.	Sở nghị quyết của nhà trường Số: 01/NQ-HĐT PBP ngày 18/9/2018 Số: 02/NQ-HĐT PBP ngày 10/9/2019 Số: 01/NQ-HĐT PBP ngày 24/9/2020 Số: 01/NQ-HĐT PBP ngày 21/5/2021 Số: 01/NQ-HĐT PBP ngày 11/10/2022	Trường THCS Phan Bá Phiến	
3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Số 02/KH-PBP ngày 20/02/2020 Số 09/KH-PBP ngày 30/01/2021	Trường THCS Phan Bá Phiến	
4	[H1-1.1-04]	Đường dẫn truy cập vào trang điện tử của trường có đăng tải	Trường: http://pbphien-nuithanh.edu.vn/ PGD: http://www.pgdnuihthanh.edu.vn/	Hiệu trưởng	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		nội dung chiến lược.			
5	[H1-1.1-05]	Biên bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.	Số 01/BB-HĐTPBP ngày 15/09/2018 Số 02/BB-HĐTPBP ngày 28/05/2020 Số 02/BB-HĐTPBP ngày 04/02/2021 Số 02/BB-HĐTPBP ngày 12/01/2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác					
6	[H2-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường; Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng;	Số 726/QĐ-PGDĐT ngày 23/10/2014 Số 24/QĐ - PGDĐT ngày 16/03/2020 Số 2170/QĐ - UBND ngày 08/4/2021 Số 1249/QĐ-PGD ngày 03/10/2022 Số 1630/QĐ-PGD ngày 19/12/2022 Số 13/QĐ – PBP ngày 08/9/2018 Số 31/QĐ – PBP ngày 01/01/2019 Số 19/QĐ – PBP ngày 05/10/2020 Số 13/QĐ-PBP ngày 08/9/2021 Số 56A/QĐ-PBP ngày 08/9/2022	PGDĐT PGDĐT UBND huyện Trường THCS Phan Bá Phiến	
7	[H2-1.2-02]	Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường;	Số 10/KHHĐT -PBP ngày 15/9/2018 Số 02/KHHĐT -PBP ngày 25/9/2019 Số 01/KHHĐT -PBP ngày 24/9/2020 Số 01/KH-HĐTPBP ngày 15/9/2021 Số 01/KH-HĐTPBP ngày 10/10/2022	Hội đồng trường Trường THCS Phan Bá Phiến	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
8		Nghị quyết của nhà trường, của Hội đồng trường;		CT Hội đồng trường	[H1-1.1-02]
9	[H2-1.2-03]	Quy chế hoạt động của Hội đồng trường	Số: 16/QC-HĐT PBP ngày 6/10/2016 Số: 01/QC-HĐT PBP ngày 24/09/2020 Số: 01/QC-HĐT PBP ngày 15/09/2021 Số: 01/QC-HĐT PBP ngày 10/10/2022	Hội đồng trường	
10	[H2-1.2-04]	Biên bản họp của HĐ trường và của các HĐ khác.	Sổ họp Hội đồng trường Sổ Họp nhóm TT Sổ Họp HĐSP	Trường THCS Phan Bá Phiến	[H1-1.1-02]
11	[H2-1.2-05]	Các báo cáo sơ kết, tổng kết HĐT	Số: 11/BC-HĐT PBP ngày 5 /6/2019 Số: 12/BC-HĐT PBP ngày 10 /7/2020 Số: 11/BC-HĐT PBP ngày 10/7/2021 Số: 01/BC-HĐT PBP ngày 15/1/2022 Số: 02/BC-HĐT PBP ngày 31/5/2022 Số: 01/BC-HĐT PBP ngày 12/01/2023 Số: 02/BC-HĐT PBP ngày 30/5/2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường					
12	[H3-1.3-01]		Số: 33/QĐ-LĐLĐ ngày 18/12/2017 Số: 67/QĐ-LĐLĐ ngày 27/12/2019	CDGD huyện Núi Thành	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		Quyết định thành lập (chuẩn y) Công đoàn; Quyết định thành lập Chi đoàn giáo viên; Quyết định thành lập Hội chữ thập đỏ; Quyết định thành lập Hội khuyến học	Số: 08/QĐ-LĐLĐ ngày 11/02/2020 Số: 29/QĐ-LĐLĐ ngày 30/09/2020 Số: 03/QĐ-LĐLĐ ngày 11/01/2022 Số: 04-QĐ/ĐTN ngày 21/10/2018 Số: 26-QĐ/ĐTN ngày 07/12/2019 Số: 17-QĐ/ĐTN ngày 03/12/2020 Số: 28-QĐ/ĐTN ngày 27/11/2021 Số: 27-QĐ/ĐTN ngày 04/11/2022 Số: 07/QĐ-HCTĐ ngày 30/09/2016 Số: 18/QĐ-CTĐNth ngày 15/10/2020 Số 15 QĐ- KH ngày 15/09/2017 Số 08/QĐ/KH- CGC ngày 10/09/2018 Số 06/QĐ/KH- CGC ngày 20/09/2019 Số 05/QĐ/KH- CGC ngày 22/10/2020 Số 08/QĐ/KH- CGC ngày 22/9/2022	LĐLĐ huyện Núi Thành BCH Đoàn xã BCH HCTĐ huyện Núi Thành Hội khuyến học xã	
13	[H3-1.3-02]	Kế hoạch hoạt động của tổ chức đoàn thể .	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Công đoàn, Chi đoàn, Đội,	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				CTĐ, KH	
14	[H3-1.3-03]	Quy chế hoạt động, quy chế phối hợp hoạt động của các tổ chức đoàn thể;	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Công đoàn	
15	[H3-1.3-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của các tổ chức đoàn thể hoặc các văn bản đánh giá hoạt động các tổ chức đoàn thể của cấp có thẩm quyền.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Công đoàn, Chi đoàn, Đội, CTĐ, Khuyến học	
16	[H3-1.3-05]	Quyết định chuẩn y Chi ủy, Bí thư, Phó bí thư. Nghị quyết và các báo cáo của chi bộ, đảng bộ nhà trường.	Số: 53-QĐ/ĐU ngày 19/06/2017 Số: 102-QĐ/ĐU ngày 15/01/2020 Số: 12-QĐ/ĐU ngày 01/10/2020 Số: 78-QĐ/ĐU ngày 14/9/2022 Số: 79-QĐ/ĐU ngày 14/9/2022 Số 01/ NQ- CB ngày 28/09/2017 Số 02/ NQ- CB ngày 20/09/2018 Số 01/ NQ- CB ngày 27/09/2019 Số 01/ NQ- CB ngày 22/09/2020 Số 01/ NQ- CB ngày 23/4/2022	Đảng ủy xã Tam Tiến Chi bộ trường	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			Số 06/ NQ- CB ngày 20/9/2022		
17	[H3-1.3-06]	Văn bản của cấp trên nhận xét đánh giá về hoạt động của tổ chức Đảng, giấy chứng nhận, giấy khen tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ	Năm: 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Đảng ủy xã Tam Tiến	
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng					
18	[H4-1.4-01]	- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng. - Báo cáo công tác nhân sự của nhà trường	- Số 5566/QĐ - UBND ngày 15/08/2019 bổ nhiệm lại PHT - Số 5440/QĐ - UBND ngày 28/08/2020 bổ nhiệm Hiệu trưởng - Số 5795/QĐ - UBND ngày 02/08/2022 bổ nhiệm Hiệu trưởng	UBND huyện Núi Thành Hiệu trưởng	
19	[H4-1.4-02]	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng;	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	
20	[H4-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng theo năm, tháng, tuần.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Tổ chuyên môn	
21	[H4-1.4-04]	Các chuyên đề của tổ chuyên môn.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Các tổ chuyên môn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
22	[H4-1.4-05]	Sổ biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Các tổ chuyên môn	
23	[H4-1.4-06]	Biên bản kiểm tra chuyên ngành của Phòng GDĐT.	Biên bản kiểm tra chuyên ngành của Phòng GDĐT năm học 2019-2020, 2022-2023	Phòng GDĐT	
24	[H4-1.4-07]	Báo cáo tổng kết thực hiện các chuyên đề.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2022-2023,	Phó Hiệu trưởng	
<i>Tiêu chí 1.5: Lớp học</i>					
25	[H5-1.5-01]	Sổ đăng bộ.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Văn phòng	
26	[H5-1.5-02]	Bảng tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học (họ tên GVCN, lớp trưởng, lớp phó....)	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Văn phòng- Tổng phụ trách	
27	[H5-1.5-03]	Biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó;	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Văn phòng- Tổng phụ trách	
28	[H5-1.5-04]	Sổ chủ nhiệm	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Văn phòng	
<i>Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính tài sản và tài sản</i>					
29	[H6-1.6-01]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; Kế hoạch công tác; Sổ phổ cập, sổ quản lý CBGVNV.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Văn phòng	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
30	[H6-1.6-02]	Quy chế chi tiêu nội bộ của trường, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Kế toán	
31	[H6-1.6-03]	Bảng niêm yết công khai; Biên bản kiểm kê tài sản hằng năm	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Niêm yết tại phòng hội đồng	
32	[H6-1.6-04]	Phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường; trang Website	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	website http://phanbaphien.pgdnuiethan.h.edu.vn	
33	[H6-1.6-05]	Hồ sơ kế hoạch, báo cáo và hồ sơ kiểm tra của ban thanh tra nhân dân	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Lưu giữ tại thanh tra nhân dân; các bộ phận.	[H9-1.9-03] [H9-1.9-06]
34	[H6-1.6-06]	Báo cáo công khai quyết toán và thông báo kết luận về công tác tài chính hằng năm.	Năm: 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán trường Phòng Tài chính huyện	
35	[H6-1.6-07]	Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Văn phòng	
36	[H6-1.6-08]	Hồ sơ dự toán thu, chi ngân sách hằng năm.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Kế toán	
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.					

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
37	[H7-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023		
38	[H7-1.7-02]	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chính trị hè.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trung tâm BDCT- Phòng GDĐT	
39	[H7-1.7-03]	Bảng phân công nhiệm vụ cho CBGVNV hằng năm	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	
40	[H7-1.7-04]	Biên bản xét nâng lương hằng năm.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Kế toán lưu giữ	
41	[H7-1.7-05]	Kế hoạch các hội thi của CB, GV, NV.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Văn phòng	
42	[H7-1.7-06]	Hồ sơ sáng kiến hằng năm.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Văn phòng	
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.					
43	[H8-1.8-01]	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	
44	[H8-1.8-02]	Kế hoạch giảng dạy của tổ chuyên môn.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Tổ chuyên môn	
45	[H8-1.8-03]	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Giáo viên	
46	[H8-1.8-04]	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá GV, NV(Kiểm tra nội bộ).	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
47	[H8-1.8-05]	Hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Bộ, UBND tỉnh, Sở GDĐT, Phòng GDĐT huyện	
48	[H8-1.8-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.					
49	[H9-1.9-01]	Quy chế dân chủ của nhà trường.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	
50	[H9-1.9-02]	Nghị quyết Hội nghị CB,CC,VC.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	
51	[H9-1.9-03]	Kế hoạch của Ban thanh tra nhân dân.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Ban thanh tra	
52	[H9-1.9-04]	Hồ sơ tiếp công dân.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Văn thư	
53	[H9-1.9-05]	Báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ của nhà trường.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Công đoàn	
54	[H9-1.9-06]	Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Ban TTND	
55		Báo cáo sơ kết, tổng kết công đoàn.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Công đoàn	[H3-1.3-04]

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
<i>Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học</i>					
56	[H10-1.10-01]	Các hồ sơ về phòng chống dịch bệnh; phòng cháy, chữa cháy; phòng chống Covid – 19.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Bộ phận y tế, Liên đội	
57	[H10-1.10-02]	Số điện thoại đường dây nóng, hình ảnh hộp thư “Điều em muốn nói”	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	
58	[H10-1.10-03]	Văn bản phối hợp với Công an có nội dung liên quan.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Bộ phận HĐNGLL	
59	[H10-1.10-04]	Quy tắc ứng xử	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	
60	[H10-1.10-05]	Hình ảnh hoạt động NGLL, trải nghiệm.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Bộ phận HĐNGLL	
61	[H10-1.10-06]	Xác nhận cơ quan văn hóa	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	UBND huyện	
62	[H10-1.10-07]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về an ninh trật tự, an toàn trường học.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Bộ phận HĐNGLL	
<i>TIÊU CHUẨN 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</i>					
<i>Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng</i>					
63	[H11-2.1-01]	Các loại bằng cấp, chứng chỉ về chuyên môn, quản lý, chính trị, tin học, ngoại ngữ, ... của HT,	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Các trường, trung tâm cấp	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		PHT.			
64	[H11-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá xếp loại chuẩn HT hằng năm.	Năm học: 2017-2018, 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022,	Phòng GD&ĐT	
65	[H11-2.1-03]	Hồ sơ đánh giá xếp loại chuẩn Phó HT.	Năm học: 2017-2018, 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022,	Phòng GD&ĐT	
66	[H11-2.1-04]	Bản tổng hợp lấy ý kiến của GV, NV góp ý về công tác quản lý của nhà trường hàng năm.	Năm học: 2017-2018, 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022,	Trường THCS Phan Bá Phiến	
67	[H11-2.1-05]	Hồ sơ thi đua.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	
68	[H11-2.1-06]	Bằng khen, giấy khen của HT, PHT		Các cấp	
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên					
69		Bảng phân công nhiệm vụ và phân công chuyên môn của trường.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	[H7-1.7-03]
70	[H12-2.2-01]	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	
71	[H12-2.2-02]	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	
72	[H12-2.2-03]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại GV hằng năm theo	Năm học: 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		NĐ 56 và NĐ 90.			
73		Hồ sơ thi đua.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	[H11-2.1-05]
74	[H12-2.2-04]	Danh sách giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	
75	[H12-2.2-05]	Kết quả nghiên cứu khoa học và Sáng kiến cấp huyện	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	UBND huyện.	
76	[H12-2.2-06]	Kết quả đánh giá Sáng kiến của giáo viên cấp tỉnh.	Năm học: 2017-2018, 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022,	HĐSK cấp tỉnh.	
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên					
77	[H13-2.3-01]	Danh sách nhân viên có thông tin về trình độ đào tạo.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	
78		Bảng phân công nhiệm vụ cho nhân viên hằng năm.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	[H7-1.7-03]
79		Hồ sơ kiểm tra đánh giá nhân viên. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hằng năm.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	[H12-2.2-04]
80		Hồ sơ thi đua.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	[H11-2.1-05]

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
81	[H13-2.3-02]	Chứng chỉ, chứng nhận nhân viên đã qua lớp BD, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc kết quả học tập tại các lớp BD, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Các cấp	
82	[H13-2.3-03]	Giấy khen của các nhân viên.	Năm học: 2018 – 2019 đến nay	Các cấp	
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh					
83		Sổ đăng bộ	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	[H5-1.5-01]
84	[H14-2.4-01]	Nội quy học sinh	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	
85		Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác Đội	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Liên đội THCS Phan Bá Phiến.	[H3-1.3-04]
86	[H14-2.4-02]	Hồ sơ học sinh được hưởng chính sách	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Kế toán	
87	[H14-2.4-03]	Bảng tổng hợp hạnh kiểm học sinh các năm học	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	P.Hiệu trưởng	
88	[H14-2.4-04]	Bảng tổng hợp và danh sách học sinh đạt thành tích xuất sắc	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Văn phòng	
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học					
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập					

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
89	[H15-3.1-01]	Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất;	Số: 837129 QĐDD/4959/QĐ Ngày 31/7/2007	UBND tỉnh QN Lê Minh Ánh đã ký	
90	[H15-3.1-02]	Hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường;	Tháng 8/2004 Năm 2007 Ngày 25/9/2018	Sở xây dựng tỉnh Quảng Nam Công ty cổ phần An Sơn Chu Lai Công ty cổ phần Xây dựng và thương mại Mê Kông	
91	[H15-3.1-03]	Các tư liệu, hình ảnh về khuôn viên trường;	Tháng 5/2022	Trang Web nhà trường	
92	[H15-3.1-04]	Các tư liệu, hình ảnh về cổng trường, biển tên trường và tường rào bao quanh;	Tháng 5/2022	Trang Web nhà trường	
93	[H15-3.1-05]	Các tư liệu, hình ảnh về khu sân	Tháng 5/2022	Trang Web nhà	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		chơi, bãi tập;		trường	
<i>Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập</i>					
94	[H16-3.2-01]	Các tư liệu, hình ảnh về phòng học, bàn ghế học sinh và trang trí trong phòng học;	Tháng 9/2022	Trang Web nhà trường	
95	[H16-3.2-02]	Các tư liệu, hình ảnh về phòng học bộ môn;	Tháng 9/2022	Trang Web nhà trường	
96	[H16-3.2-03]	Các tư liệu, hình ảnh về phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống;	Tháng 5/2022	Trang Web nhà trường	
97	[H16-3.2-04]	Các tư liệu, hình ảnh có liên quan về khôi phục vụ học tập;	Tháng 5/2022	Trang Web nhà trường	
<i>Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị</i>					
98	[H17-3.3-01]	Các tư liệu, hình ảnh về các phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống, phòng Đoàn-Đội;	Tháng 5/2022	Trang Web nhà trường	
99	[H17-3.3-02]	Các tư liệu, hình ảnh về khu đỗ xe của CBGVNV và HS	Tháng 5/2022	Trang Web nhà trường	
100	[H17-3.3-03]	Hợp đồng sửa chữa, bảo trì máy	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020,	Kế toán	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		vi tính,..	2020-2021, 2021-2022, 2022-2023		
101	[H17-3.3-04]	Hợp đồng sửa chữa, cung cấp máy vi tính,..	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phụ trách CSVC nhà trường	
102	[H17-3-3-05]	Kết quả các cuộc thi TNTH các năm học	Năm học:, 2018 - 2019 đến nay	Phòng GDĐT, Sở GDĐT	
103	[H17-3-3-06]	Chứng nhận thư viện tiên tiến	-Đạt Xuất sắc: 2020.Số 723/QĐ-SGD&ĐT ngày 15/5/2020	Sở GDĐT	
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước					
104	[H18-3.4-01]	Hình ảnh về các khu vệ sinh của giáo viên và học sinh;	Tháng 5/2022	Trang Web nhà trường	
105	[H18-3.4-02]	Hồ sơ thiết kế xây dựng các công trình vệ sinh;		Kế toán	
106	[H18-3.4-03]	Hình ảnh về hệ thống thoát nước của trường;	Tháng 5/2022	Trang Web nhà trường	
107	[H18-3.4-04]	Hình ảnh hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch để uống và sinh hoạt;	Tháng 5/2022	Trang Web nhà trường	
108	[H18-3.4-05]	Hợp đồng thu gom và vận chuyển rác; Hợp đồng cung cấp nước sạch.	Số: 262/TK19 ngày 23/9/2019	Kế toán	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
109	[H18-3.4-06]	Hóa đơn thanh toán tiền điện, nước, thu gom rác thải hàng tháng;	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Kế toán	
111	[H18-3.4-07]	Hình ảnh 02 khu rửa tay cho CBGVNV và học sinh	Năm 2022	Trang Web nhà trường	
Tiêu chí 3.5: Thiết bị					
112		Sổ quản lý tài sản, thiết bị.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	BP thiết bị	[H6-1.6-01]
113	[H19-3.5-01]	Danh mục các thiết bị dạy học hiện có.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	BP thiết bị	
114	[H19-3.5-02]	Bảng thống kê hoặc hóa đơn sửa chữa các thiết bị; Hợp đồng hoặc hóa đơn mua thiết bị dạy học.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	BP thiết bị	
115	[H19-3.5-03]	Kiểm kê đồ dùng dạy học.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	BP Tài vụ	
116	[H19-3.5-04]	Sổ theo dõi sử dụng đồ dùng dạy học, phòng bộ môn.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	BP Tài vụ	
117	[H19-3.5-05]	Thống kê danh mục đồ dùng dạy học GV tự làm.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	BP thiết bị	
Tiêu chí 3.6: Thư viện					

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
118	[H20-3.6-01]	Thống kê số lượng sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu của thư viện trường;	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Nhân viên thư viện.	
119	[H20-3.6-02]	Kế hoạch mua sắm bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa;	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Thư viện+ Thiết bị	
120	[H20-3.6-03]	Kế hoạch hoạt động của Thư viện	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Bộ phận Thư viện	
121		Hồ sơ thư viện đạt chuẩn và Quyết định công nhận thư viện đạt chuẩn trở lên;	- Đạt tiên tiến: 2010. Số 3338/QĐ-SGD&ĐT ngày 4/11/2010 - Đạt Xuất sắc: 2020. Số 723/QĐ-SGD&ĐT ngày 15/5/2020	- Giám đốc Sở GDĐT - Giám đốc Sở GDĐT	[H17-3-3-06]
122	[H20-3.6-04]	Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Bộ phận Thư viện	
123	[H20-3.6-05]	Kế hoạch kiểm kê thư viện hằng năm.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Bộ phận Thư viện	
124	[H20-3.6-06]	Hồ sơ quản lý thư viện,	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Bộ phận Thư viện	
125	[H20-3.6-07]	Biên bản kiểm tra của các cấp	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020,	Bộ phận Thư	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		có nội dung liên quan;	2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	viện	
Tiêu chuẩn 4: QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI					
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh					
126	[H21-4.1-01]	QĐ thành lập Ban ĐDCMHS; DS ĐDCMHS hằng năm;	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	
127	[H21-4.1-02]	Biên bản Ban ĐDCMHS trường và các lớp các năm.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Ban ĐDCMHS trường và các lớp.	
128	[H21-4.1-03]	Kế hoạch hoạt động và quy chế hoạt động của Ban ĐDCMHS trường.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	
129	[H21-4.1-04]	Danh sách các tổ chức, cá nhân tài trợ tài chính, cơ sở vật chất.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hội Chữ thập đỏ trường THCS Phan Bá Phiến	
130	[H21-4.1-05]	Báo cáo hoạt động của Ban ĐDCMHS;	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Ban ĐDCMHS Trường THCS Phan Bá Phiến	
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường					
131	[H22-4.2-01]	Các văn bản tham mưu của nhà trường với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		kế hoạch giáo dục;			
132	[H22-4.2-02]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức trong và ngoài nhà trường để thực hiện kế hoạch giáo dục;	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	
133	[H22-4.2-03]	Các báo cáo của các tổ chức của nhà trường về công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh;	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Trường THCS Phan Bá Phiến	
134	[H22-4.2-04]	Giấy chứng nhận cơ quan đạt cơ quan văn hóa;	Số 8376/QĐ-UBND ngày 7/12/2018 Số 9012/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 Số 7442/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 Số 9785/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	UBND Huyện Núi thành	
Tiêu chuẩn 5: : HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.					
Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông					
135	[H23-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động chuyên	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020,	Phó Hiệu	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		môn của nhà trường.	2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	trưởng	
136		Kế hoạch giảng dạy của tổ chuyên môn	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Tổ chuyên môn	[H8-1.8-02]
137		Kế hoạch giảng dạy của giáo viên	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Giáo viên	[H8-1.8-03]
138		Kế hoạch hoạt động chuyên môn, tổ văn phòng	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Tổ chuyên môn	[H4-1.4-03]
139		Các chuyên đề của tổ chuyên môn.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Tổ chuyên môn	[H4-1.4-04]
140		Tổng kết thực hiện chuyên đề.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	[H4-1.4-07]
141		Tổ chức Hội thi trong giáo viên	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	[H7-1.7-05]
142	[H23-5.1-02]	Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
143	[H23-5.1-03]	Dự giờ, thăm lớp của cán bộ, giáo viên	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn	
144	[H23-5.1-04]	Tổ chức kiểm tra đánh giá	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó					

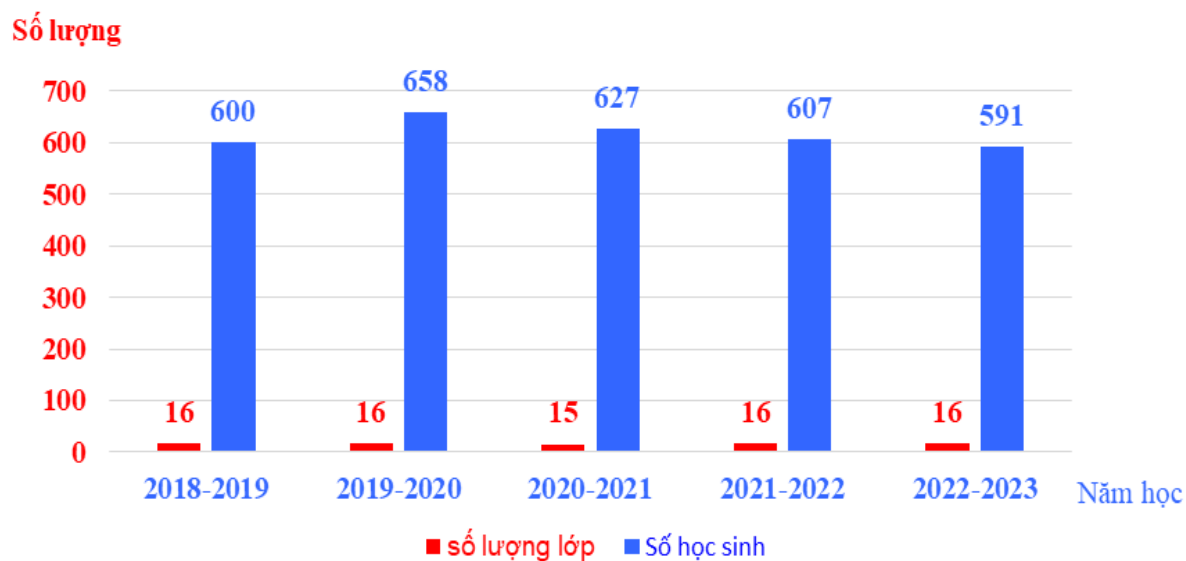
Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
khẩn trong học tập và rèn luyện					
145	[H24-5.2-01]	Kế hoạch của nhà trường có chú trọng hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu...	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	
146	[H24-5.2-02]	Kế hoạch sinh hoạt các CLB Nghệ thuật, Thể thao, Tiếng Anh, Quyền trẻ em	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
147	[H24-5.2-03]	Kết quả thi học sinh năng khiếu	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.					
148	[H25-5.3-01]	Kế hoạch giảng dạy giáo dục địa phương cho học sinh của nhà trường	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
149	[H25-5.3-02]	Tài liệu giáo dục địa phương được phê duyệt	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
150	[H25-5.3-03]	Giáo án giảng dạy giáo dục địa phương của giáo viên	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
151	[H25-5.3-04]	Biên bản tổng kết việc thực hiện giảng dạy giáo dục địa phương.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
152	[H25-5.3-05]	Bài kiểm tra năng lực học chương trình địa phương của	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		học sinh.			
Tiêu chí 4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.					
153	[H26-5.4-01]	- Kế hoạch tổ chức hoạt động Ngoài giờ lên lớp.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
154	[H26-5.4-02]	- Kế hoạch giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề, trải nghiệm.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
155		Hình ảnh hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Tổng phụ trách	[H10-1.10-01]
156	[H26-5.4-03]	- Kết quả giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề, trải nghiệm	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.					
157		Kế hoạch tổ chức ngoại khoá phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống....	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng Tổng phụ trách	[H10-1.10-01]
158	[H27-5.5-01]	Kế hoạch và kết quả của HS trường trong các cuộc thi nghiên cứu khoa học, công nghệ, ứng dụng KHKT; Hội thi tìm hiểu pháp luật và đạo đức,...	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng. Tổng phụ trách	
159	[H27-5.5-02]	Các công trình, đề tài nghiên cứu khoa học của HS để vận dụng vào thực tiễn	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	

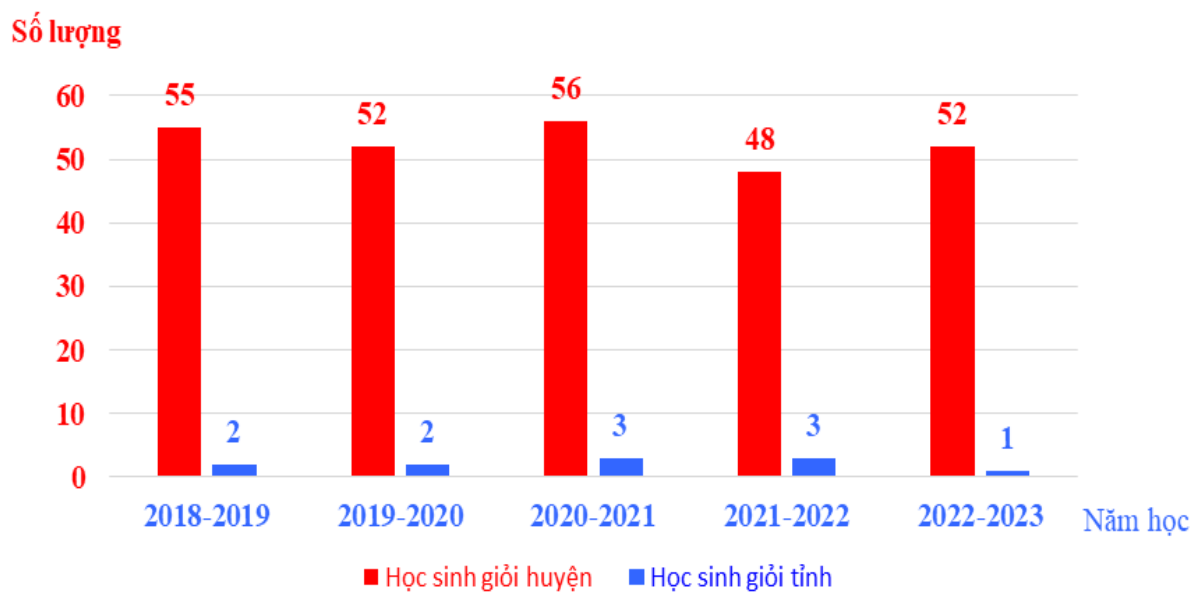
Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 6: Kết quả giáo dục.					
160	[H28-5.6-01]	Thống kê số lượng và tỷ lệ HL và HK học sinh hằng năm	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
161	[H28-5.6-02]	Thống kê số lượng và tỷ lệ HS lên lớp qua các năm học.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
162	[H28-5.6-03]	Thống kê số lượng học sinh vào lớp 10 công lập hằng năm và phân luồng sau tốt nghiệp THCS.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng. Văn thư.	
163	[H28-5.6-04]	Thống kê số lượng và tỷ lệ HS thi đỗ vào trường chuyên	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	
164	[H28-5.6-05]	Thống kê số lượng và tỷ lệ HS bỏ học qua các năm học.	Năm học: 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng Văn thư.	

Phụ lục II BIỂU ĐỒ

BIỂU ĐỒ 1: SỐ LƯỢNG LỚP-HỌC SINH

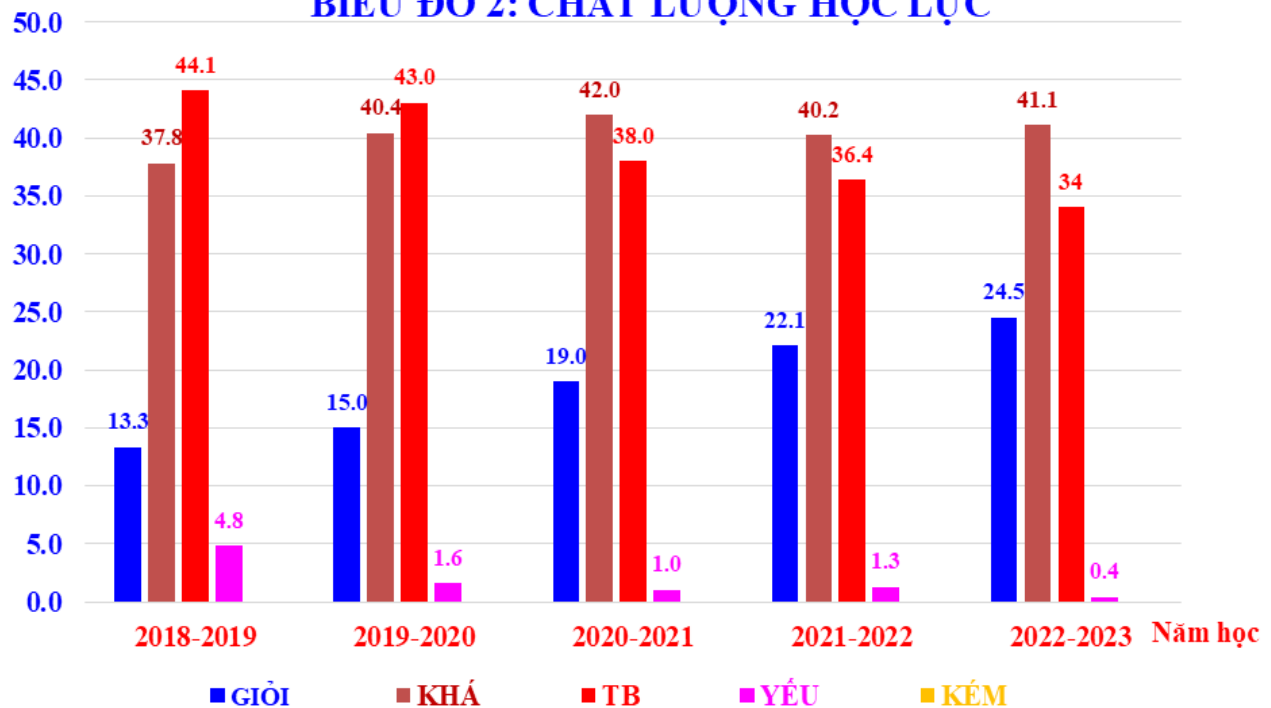


BIỂU ĐỒ 1: SỐ LƯỢNG HS GIỎI CÁC CẤP



Tỉ lệ (%)

BIỂU ĐỒ 2: CHẤT LƯỢNG HỌC LỰC



BIỂU ĐỒ 3: CHẤT LƯỢNG HẠNH KIỂM

Tỉ lệ (%)

